

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh

Quyển 47 – Chư Tôn Bộ 4

No 1967 – Trang 134

LUẬN BẢO VƯƠNG TAM MUỘI

Tuyển luận: Sa Môn Phi Tích

Dịch giải: Sa Môn Hồng Nhơn

Lời Đầu Sách

Ngày xưa Tổ Liên Trì rất mến mộ hai quyển Bảo Vương Tam muội luận của Phi Tích Pháp sư và Niệm Phật Trực chỉ của Diệu Khẩu Thiên sư, nhiều lần tìm kiếm nhưng chưa được gặp. Về sau, Lão Túc Vạn Dung ở đất Cổ Ngô tình cờ gặp được một bản ở trong đám sách tạp nhạp của Thần Miêu. Hai quyển luận này được in chung, tuy bìa ngoài đã hư, nhưng chữ bên trong vẫn còn nguyên vẹn, Ngẫu Ích Đại sư tuyển hai quyển này vào Tịnh độ Thập yếu. Từ đó hai bộ luận trên được xem là những bộ luận trọng yếu của Tông Tịnh độ.

Trong mùa kiết hạ vừa qua, chúng tôi ở Phước Huệ Tông Lâm đã dịch ra để giảng dạy chúng. Chúng tôi đã dịch và giảng thẳng từ bản chữ Hán được ghi âm lại chung với lời giảng từng đoạn. Vì thế, chúng tôi phải so lại với bản chữ Hán để tránh đi việc nhầm lẫn giữa chánh văn và chú giải.

Luận Bảo Vương Tam Muội, lời văn súc tích, ý nghĩa u huyền, người muốn tu tam muội rất khó thâm nhập, nên ban đầu chúng tôi có ý ghi thành chú giải. Nhưng lời giải quá dài, cần phải in nhiều tập. Trong hoàn cảnh khó khăn về in ấn, chúng tôi chỉ xin ghi phần chánh văn của bản luận. Về chú giải chúng tôi sẽ cố gắng hoàn thành và công hiến quý vị sau. Dù vậy, chúng tôi cũng ghi lại phần giảng ngũ trùng huyền nghĩa để người đọc có thể dễ dàng trực nhận chỉ thú. Phật pháp cao siêu, nghĩa Tam muội vô lượng, hẳn trong phần sưu tập sẽ còn nhiều sơ sót. Dám mong chư vị thiện tri thức cao minh vui lòng góp ý để lần tái bản sau được hoàn hảo hơn. Rất đa tạ.

Hồng Nhơn cẩn bút

Luận Bảo Vương Tam Muội

Phân huyền nghĩa

Đề luận là cương yếu của toàn bộ luận như cổ áo đối với cái áo, chóp lưới đối với toàn cái lưới, muốn lấy áo cần nắm cổ áo, toàn bộ chiếc áo đều lên, nắm chóp lưới, cả chiếc đều tóm lại. Vì thế, Tổ Thiên Thai khi giải thích các bộ kinh luận thường lập năm lớp huyền nghĩa để người đọc có cửa ngõ khi muốn vào tác phẩm.

1.- Giải thích đề luận:

Niệm Phật : Niệm là nhớ rõ không quên, Phật là bậc giác ngộ, người không giác gọi là mê, không mê gọi là giác. Bậc giác ngộ là ý chỉ bậc hoàn toàn không có mê. Giác có nhiều bậc : Nếu nói từ xưa đến nay vốn không mê thì gọi là Bản giác, nếu nói đã mê rồi nay mới giác ngộ thì gọi là Thi giác. Nếu nói một lần giác ngộ là vĩnh viễn suốt thời vị lai, không còn mê lại gọi là Cứu cánh giác. Bản giác chỉ cho pháp thân, Thi giác chỉ cho bát nhã, Cứu cánh giác chỉ cho giải thoát. Nói chữ Phật là bí tạng của ba đức kể trên.

Phàm người niệm Phật cần phải biết cái nào là năng niệm, cái nào là sở niệm và cũng phải biết cái không phải năng và không phải sở. Năng niệm thuộc về Tâm, Sở niệm thuộc về Phật, lại cũng phải biết ngoài cái năng niệm không có cái sở niệm, tức ngoài tâm không có Phật; ngoài cái sở niệm không có năng niệm, tức ngoài Phật không tâm (gương và ảnh). Ngoài tâm không Phật, toàn Phật là tâm, ngoài Phật không tâm, toàn tâm là Phật. Nên nói : Phật là Giác, Giác là Tâm. Sở dĩ nói ngoài tâm không Phật vì tâm không mê, nói ngoài Phật không tâm, vì Phật là Giác. Niệm Phật cũng có ba thứ : Niệm Bản giác là niệm vị lai Phật có bảy môn ở quyển thượng của luận này. Niệm Thi giác là chung cho chư Phật ba đời, bảy môn thuộc quyển hạ. Niệm Cứu kính giác là niệm hiện tại Phật, sáu môn thuộc quyển trung.

Tam muội : Tam muội là tiếng Phạn, nói cho đủ là Tam muội da. Trung Hoa dịch là Chánh thọ, Chánh định hay Điều trực định. Chánh thọ có nghĩa là không nhận bất cứ vật gì. Chánh định là vì khác với bất định của phàm phu, chẳng phải thiên định của tiểu thừa, chẳng phải tà định của ngoại đạo nên gọi là chánh định. Điều trực định là chỉ chỗ tâm và cảnh phù hợp ở trạng thái hợp nhất. Chúng ta khi mới tu định, hôn trầm và tán loạn tán công, nhiều điều phiền lụy, lần lần điều phục, lâu dần tâm thuần thực, mới có thể nhiếp cảnh về tâm, tâm vào trong cảnh, tâm thẳng cảnh thông cùng nhau hợp nhất, nên gọi là điều trực định.

Niệm Phật Tam muội có thể bao gồm hết trăm ngàn thứ Tam muội, nên gọi là vua của các Tam muội. Trăm ngàn Tam muội tuy nhiều nhưng không ngoài ba thứ Tam muội : 1. Sa ma tha tức là Chơn đế tam muội. 2. Tam ma bát đề tức là Tục đế tam muội. 3. Thiên na tức là Trung đế tam muội. Tam muội tuy nhiều nhưng không ngoài ba thứ tam muội kể trên. Trong luận Niệm Phật Tam muội này, bảy môn ở quyển Thượng, niệm Bản giác Phật tức là Chơn đế Tam muội. Bảy môn ở quyển Hạ, niệm chung chư Phật ba đời là niệm Thủy giác Phật tức Tục đế Tam muội. Sáu môn ở quyển Trung là niệm Cứu cánh giác Phật tức Trung đế Tam muội. Niệm Phật có 4 thứ chẳng đồng : 1. Quán tưởng niệm Phật như trong thập lục Quán kinh. 2. Quán tượng niệm Phật như trong Bát Nhã kinh. 3. Trì danh niệm Phật như A Di Đà kinh. 4. Thật tướng Niệm Phật như trong Phổ Hiền

Quán kinh. Ở đây chỉ nói về trì danh niệm Phật. Người muốn tu trì danh niệm Phật trước tiên phải dùng chuỗi, ghi mỗi niệm rõ ràng, phân định thời khóa, giữ chắc không cho thiếu sót. Nếu người mới phát tâm không chịu lần chuỗi cho là không cần chấp tướng, muốn học theo lối viên dung tự tại, rõ ràng người ấy lòng tin không sâu, chỗ thực hành không đặc lực, vì tâm sinh tử không thiết, dù rằng tôn và giáo đều thông, nhưng đến khi mạng chung, không được chút nào lực dụng, chừng vô thường đến mới hối tiếc, ăn năn đâu còn kịp nữa!

Người niệm Phật muốn được Tam muội phải luôn luôn gìn giữ chánh niệm, khi niệm Hồng danh, tiếng ra từ miệng, tai nhận rõ ràng, miệng và tai thông đồng, tiếng và tâm khế hợp, lâu dần thuần thực, không biết có tâm năng niệm và ông Phật sở niệm, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, tuy thọ cái tên niệm mà không có tất cả cái thọ gọi là niệm Phật Tam muội. Kẻ phàm phu không trì danh hiệu Phật nên tâm không định, ngoại đạo thì tà kiến, nhị thừa thì chìm trong cái không. Quyền thừa thì trệ một bên đều không phải là chánh định. Chỉ có người niệm Phật được nhất tâm bất loạn mới được gọi là chánh định. Từ lúc tán tâm ban đầu niệm lâu tâm sẽ trở về một nên gọi là Điều trực định.

Bảo Vương : Chữ bảo có nghĩa là quý báu. Vương có nghĩa là thống lãnh tự tại. Như các thứ vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, mã não, trân châu ...đều gọi là quý báu. Trong các thứ báu này, chỉ có châu ma ni là quý báu hơn cả, nên cổ nhân nói : Một hạt châu ma ni có thể đê bẹp hết ngàn loại châu báu trong biển nên gọi là vua trong các thứ quý báu. Ở đây ví muôn ngàn loại châu báu như muôn ngàn tam muội, ví châu ma ni như niệm Phật Tam muội. Tựa đề này dùng pháp dụ lập đề nên gọi Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương.

Luận tiếng Phạn là A Tỳ Đạt Ma, Trung Hoa dịch là Vô Tỷ Pháp nghĩa là pháp không thể so sánh là danh xưng chung của Luận tạng. Yếu thích : Nhằm giải rõ những chỗ bí áo trong luận tập nên dịch giả giải thích những điểm cốt yếu.

2.- Hiện thể:

Chữ Thể có nghĩa là tính chất hay chủ. Danh đề là khách, thể chính là chủ. Thể là thật chất, danh đề là giả danh. Danh đề là phần năng thuyên (1) của thể, thể là phần sở thuyên (2) của danh đề. Phàm tất cả danh đề, lời nói, văn tự đều thuộc phần năng thuyên, đều giống như ngón tay chỉ mặt trăng, như cái nôm để bắt cá. Vì vậy trước tiên phải giải danh đề rồi sau đó mới chỉ bày chỗ sở thuyên của thể, nhờ văn ngôn năng thuyên mà ngộ được tánh thể của sở thuyên, như nướng theo hướng ngón tay mà thấy mặt nguyệt, nhờ có nôm mà bắt được cá.

Luận này lấy tịch chiếu bất nhị làm thể. Ý muốn chỉ chỗ tịch (lặng lẽ) mà chiếu (soi sáng) như ngọn đèn lặng lẽ mà hằng chiếu sáng. Trong lời tựa của kinh Di Đà Sớ Sao nói : 'Tánh linh minh rộng suốt, lặng lẽ thường hằng, không đục không trong, không lung không mặt. Chơn thể rộng lớn thay ! Không thể nghĩ bàn được. Nó chính là tự tánh của chúng ta'. Trong đoạn trên, câu đầu chỉ rõ cái chiếu, tức tịch mà chiếu. Câu kế nói tịch, tức chiếu mà tịch. Hai câu nếu hợp lại để quán thì chiếu tức là tịch, tịch tức là chiếu. Chữ tức trong quán này là nghĩa bất nhị (không hai). Môn thứ 20 của luận này nói : 'Định này đức Như Lai gọi là Thắng định, là Vua Tam muội, là Tạng Quang Minh, là hạt châu trừ tội, là đèn diệt tà kiến, là bản đồ cho người lạc đường, là ấn vàng của Vương Tử, là Tánh của Tam Bảo, là Đại Huệ Quang Minh. Tất cả đều chỉ cái thể của Tịch chiếu bất nhị này.

3.-Minh Tôn:

Tôn chỉ là chỗ cốt yếu của tu hành, là điều kiện tất yếu để trở về bản thể. Nếu người tu hành không rõ tôn chỉ thì làm sao có thể lãnh hội được diệu thể không thể nghĩ bàn, nên trước đã hiển thể, sau phải minh tôn. Trước hiển thể là chỉ bày Tánh đức, còn minh tôn là chỉ bày chỗ Tu đức. Nên biết, Tu đức nếu có công mới hiển bày được Tánh đức.

Luận này lấy nhân quả cùng thời làm Tôn. Có người cho rằng Thể tức là Tôn, Tôn tức là Thể. Thực ra Thể thuộc về Tánh Đức không phải nhân, không phải quả, còn Tôn thuộc về Tu Đức có nhân có quả, vì trước tu là nhân, chứng được là quả. Tuy vậy Tôn Đức và Tánh Đức không phải một, không phải hai, nên không thể nói là một, cũng không thể nói là khác. Cũng như cột kèo của cái nhà là giềng mối của cái nhà, nhờ có cái nhà mà ta có một khoảng trống do cột trụ tạo ra, nhờ có cột kèo mà ta có khoảng trống để che mưa đở nắng, nhưng không thể nói kèo cột là khoảng trống của nhà vì kèo cột không phải một, lại cũng không nói khoảng trống là kèo cột vì khoảng trống và kèo cột không phải hai. Kèo cột dụ Tôn, khoảng trống dụ Thể. Nếu nói là một thì có nhiều lần, vì bỏ kèo cột ra thì không có khoảng trống cái nhà, lia khoảng trống thì không thấy kèo cột, hai cái đó không thể lia được nên gọi là chẳng phải khác. Nói Thể và Tôn khác nhau thì lầm lỗi rất lớn, nếu Tôn khác với Thể thì Tôn không thể hiển Thể, Thể nếu khác với Tôn thì không phải là Thể của Tôn.

Nói nhân quả cùng thời là vì nhân gồm biến quả, quả thấu nguồn nhân, nhân quả hợp nhau nên gọi đồng thời. Trong Phổ Hiền Quán kinh nói : 'Nhân của Đại thừa là thật tướng của các pháp, và quả của Đại thừa cũng là thật tướng của các pháp.' Trước nói Thể là chỉ Ông Phật sở niệm. Nay nói Tôn là chỉ cho Tâm năng niệm, đã biết Phật thông cả ba đời là biết Cảnh dọc trùn ba phía, Tâm niệm chư Phật là biết Tâm ngang khắp mười phương, Tâm và Cảnh không hai, không có ngang dọc, Tâm Cảnh rõ ràng cũng ngang cũng dọc, như con mắt của Ma Hê Thủ La Thiên giống ba góc hình tam giác đều, không ngang không dọc, không cùng không khác. Trong luận nói : Lưới châu của Đế Thích chưa mở ngàn viên ngọc chiếu bày, lưới vừa mở toang, muôn mắt đều mở. Đây biến cả phải dùng trăm sông, niệm được Phật danh chắc thành Tam muội.

4.- Luận dụng:

Dụng là lực dụng. Đa số kinh điển Tịnh độ lấy việc lia khổ được vui làm lực dụng, thường cho cõi Ta bà bị năm món trược làm khổ, được về An dưỡng được năm thứ thanh làm vui. Chỉ có luận này lấy khổ vui đều quên làm lực dụng. Nếu chỉ niệm Phật hiện tại, như trong chương Thế Chí niệm Phật Viên Thông nói : 'Các đức Như Lai trong mười phương thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, chúng sanh niệm Phật như con nhớ mẹ, khi con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì mẹ con nhiều kiếp không hề xa nhau. Tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền hoặc tương lai chắc được thấy Phật, không cần dùng phương tiện, tự được tâm mở tỏ. Như địa tu hành của tôi, dùng tâm niệm Phật được vô sanh pháp nhãn, nay ở thế giới này tiếp dẫn người niệm Phật về cõi Tịnh độ'. Lìa cái khổ của thế giới này về chỗ vui của Tịnh độ là lực dụng hầu hết các kinh luận Tịnh độ. Luận này thì trước niệm Phật vị lai, kế đó niệm Phật hiện tại, sau đó niệm chung chư Phật ba đời đều là Phật. Ý nói rằng : Chúng sanh đều là Phật, chúng sanh và Phật không hai. Đã nhận chúng sanh và Phật không hai cảnh giới, thì không có lòng ghen ghét. Không ghét thì không có cái khổ để muốn xa lìa, không yêu thì không thấy cái vui có thể được, vì cõi tịnh và cõi uế vốn không hai, nên dùng khổ vui đều quên làm lực dụng. Trong quyển thứ

nhất của Luận này, Ngài Văn Thù dạy người nữ nói : 'Tánh Bồ đề vốn không, thân cô cũng không.' Phật bảo Trưởng Giả Tử nói : 'Nếu quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, thì các pháp hữu vi liền thành vô vi. Ở chỗ có chưa từng có, ở chỗ không chưa từng không, lo gì Phật có tướng? Tâm có niệm !' Trong đoạn này ý nói thánh trí bồ đề và thân phàm tình của ông không khác; chỉ cho thánh phàm không hai. Ở chỗ có chưa từng có, ở chỗ không chưa từng không, chỉ không trụ ở hai bên. Lo gì Phật có tướng, tâm có niệm, trong Đạo chẳng an, lực dụng như thế thật mâu nhiệm.

5.-Phán giáo.

Tổ Thiên Thai Trí Giả Đại sư dùng năm thời tám giáo để giải thích một đời thuyết giáo của đức Như Lai. Năm thời gồm có thời Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa Niết Bàn. Để dễ nhớ, cổ nhân có bài kệ :

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật

A Hàm thập nhị, Phương Đẳng bát.

Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm,

Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.

Tạm dịch :

Hoa Nghiêm trước nhất 21 ngày

A Hàm mười hai, Phương Đẳng tám.

Bát Nhã nói suốt hai mươi hai

Pháp Hoa, Niết Bàn, tám năm dài.

Tám giáo là tạng, thông, biệt, viên, đốn, tiệm, bí mật và bất định. Trong kinh có thí dụ về luyện sữa như sau : Kinh Hoa Nghiêm dụ sữa mới nặn ra; kế đó từ sữa cho ra lạc, thời A Hàm dụ cho lạc; kế đó từ lạc cho ra sanh tô, Phương Đẳng dụ sanh tô; từ sanh tô cho ra thực tô, Bát Nhã dụ thực tô; từ thực tô cho ra đề hồ, Pháp Hoa, Niết bàn dụ cho đề hồ thượng vị. Luận này, ngay trong câu hỏi đầu khách đã hỏi : 'Con đường thẳng tắt thành đạo là cái hạnh bất khinh trong Pháp Hoa Tam muội, cái Tôn của Ban Chu là niệm Phật tam muội, đều được gọi là cái cửa của vô thượng thâm diệu Thiên, nguyện nghe chỗ nhiệm mâu ấy?' Như thế, luận này thuộc cơ thuần Viên độc diệu, Giáo tướng thuộc Vô thượng đề hồ Bồ tát tạng.

Phản thích luận

Thời Nhà Đường, núi Tử Các, Chùa Thảo Đường,

Tuyên luận: Sa Môn Thi Tích

Dịch giả: Sa Môn Hồng Nhơn

A Phần tựa

Có người khách cao ngạo đến thiền thất của tôi (Ngài Phi Tích) trước đánh lễ rồi hỏi : Con đường thẳng tắt thành đạo là cái hạnh Bất Khinh trong Pháp Hoa Tam muội, cái Tôn của Ban Chu trong niệm Phật Tam muội đều là cửa ngõ thâm diệu thiên, nguyện nghe chỗ nhiệm màu ấy?

Đáp : Tâm ông hy vọng rất cao, nên lời hỏi rất hay ! Ông sắp bước vào bến rồng vô sanh, muốn dờ cánh bằng đến Đờ Nam. Tôi biết mình không xuất sắc nhưng cũng gắng gượng mở ra hai mươi môn nói về tôn chỉ này. Quyền thượng có bảy môn niệm vị lai Phật. Quyền trung có sáu môn niệm hiện tại Phật. Quyền hạ có bảy môn chung niệm cả ba đời đều là Phật.

B. Phần chánh tôn

I.. Quyền Thượng. Quyền thượng gồm có bảy môn, nói về niệm Bản Giác tức niệm Ông Phật ở vị lai.

1. Niệm Ông Phật ở vị lai mau thành Tam Muội

Nếu Tâm có hai thì sanh ra nhiều vọng tưởng, nhiều vọng tưởng tuy không thật, nhưng bị mê lầm làm trở ngại, việc trở ngại không giải thích là điều lo của Thánh nhân.

Vấn màu nhiệm thông suốt mà không lời, Pháp thân rộng mà đủ tướng, không rõ được tướng, không tròn được lời, như thế ý chỉ một vị, tuyệt cả nói năng thì làm sao biết được chỗ qui thú ?

Khi lưới của Đế Thích chưa mở, nghìn hạt châu đâu ai thấy được, chớp lưới vừa động, muôn mắc lưới đều mở. Muốn đây biển lớn phải dùng nước trăm sông, niệm hiệu Phật chắc thành Tam muội, một lời trùm khắp chính tại chỗ này, cũng như hạt thanh châu bỏ vào nước đục, nước đục không thể không trong, tướng Phật đặt ở loạn tâm, loạn tâm không thể không có Phật.

Người đời niệm quá khứ Thích Ca, niệm hiện tại Di Đà, hoàn toàn chưa nghe niệm vị lai chư Phật. Vì sao ? Vì không hiểu đức Như Lai đối với cái Thô của chúng sanh mà nói cái Diệu của chư Phật bèn cho chúng sanh ở ngoài Phật.

Kinh Tịnh Danh nói đã có mùi hương hoa Chiêm Bô không có mùi hương khác. Hoa có loại đeo vào thân, có loại không đeo vào thân. Đây là ý muốn chỉ bày Đại thừa. Chê Tiểu thừa vì để bác bỏ mờ mịt, chỉ bày Đại thừa đồng về với Bất Nhị. Kinh Pháp Hoa là Vua của các kinh đã chỉ rõ pháp Thịnh Vãn. Như thế, tất cả đều là hương Chiêm Bô, tôn chỉ của luận này là Đại và Tiểu Thừa không chấp.

Nếu chẳng phải người ấy (phá chấp) tất cả đều cho Chư Phật là bậc rất cao (chí tôn), còn chúng sanh là hàng rất thấp (chí ti). Nếu có cao và thấp là các vọng đều sinh khởi, cung kính và khinh mạng lập ra thì nhất chân pháp giới đều ẩn.

Người chấp chặt như thế ắt coi vạn hữu như cỏ rác, coi thiên hạ như đồ chơi, khi trảng ngã mạn đã lập nên thì cao ngạo chê người, mắt ngó mây xanh, tâm đạo trên thượng đế, không bao giờ chịu hạ thấp.

Kinh Duy Ma nói : Thấy tất cả đều nên cung kính, dùng đồ cúng dường là hạnh tối thắng. Kinh Lăng Già nói : Như Lai Tạng tự tính nó vẫn thanh tịnh, chuyển 32 tướng vào trong tâm tướng của tất cả chúng sanh, như có bảo châu đại vô giá gói trong áo đơ. Lại như người ăn xin rất hèn hạ cùng đức Như Lai cao cả đều không sai khác, vì thế, niệm tròn đủ chư Phật ba đời là khắp quán các đức Thế Tôn trong mười phương. Trong lý thú Bát Nhã nói : 'Tất cả chúng hữu tình đều là Như Lai Tạng, Bồ Tát Phổ Hiền tự thể trùm khắp các nơi. Như người con gái nghèo có mang một vị quốc vương, như hạt gạo trong bao tám cám, cảnh ấy có thể biết, đâu có thể mắc vào oan trái tám điều ngã mạn ư ? Mọi người đều khinh lờn hào quang ngọc của chư Phật thời vị lai mà không dám khinh lờn sắc vàng của chư Phật ở quá khứ và hiện tại mà khởi ra gốc tội, ở trước Phật tương lai vì được thấy chư Phật đã qua và hiện tại. Chúng sanh nếu chẳng phải là Phật, thì Phật vị lai đâu có !

Nên biết mẹ nghèo nhờ con quý mà sang, gạo nhờ cám mà được bảo toàn, điều ấy phù hợp với tâm Bất Khinh Bồ Tát trong Kinh Pháp Hoa, nếu được như vậy thì niệm Phật Tam muội không cầu mau mà tự thành tựu.

Pháp Hoa niệm Phật nguyên là một môn. Như dùng linh chi nấu thành thuốc. Các người tu tiên, xưa mỗi người ở một nơi không được gọi là Tiên. Người uống thuốc tiên có phép lên mây nên nhờ có thuốc mà nêu danh ở cõi Tiên. Người được dự vào cõi Tiên, người và thuốc tuy khác nhau, nhưng uống vào sẽ được thành tiên.

Nếu không có thánh nhân có ai được đạo, pháp không có Phật giác ngộ đâu ai làm cho ta tự ngộ. Pháp không có Phật thì không ai ngộ, từ đó niệm Phật Tam muội sinh ra, Phật không có pháp không sáng tỏ, nên Pháp Hoa Tam muội khởi. Một vị Tiên có hai danh xưng đều gọi là Tiên, niệm Phật Pháp Hoa đều gọi là Phật huệ. Phật huệ đã đồng chắc chắn khinh Thiên Vô Thượng của Ban Chu, sự giác ngộ từ đây khởi xướng.

2. Dâm nữ, phường trộm đều chẳng nên khinh

Hỏi : Dâm nữ, phường trộm cướp là hạng người cực ác, đâu có thể được cung kính như Phật ?

Đáp : Phương pháp độ của Phật có cách đối đãi và cách quyết liễu.

A.-Về đối đãi : Đối với người nữ dối trá, Phật nói Như Lai là chỗ chí chơn. Phật là bậc đáng tôn sùng, người nữ là kẻ cần xa lìa. Xa lìa có hai phần là tránh lòng dục vọng và dùng tâm buông bỏ.

Thứ nhất là tránh dục : Trong Kinh Bồ Tát Quở Sắc Dục có dạy : 'Sắc gái đẹp là xiềng xích của thế gian. Kẻ phạm phu yêu đắm không thể tự mình nhổ ra khỏi, nó chính là tai họa lớn của thế gian, kẻ phạm phu bị vướng vào, đến chết cũng không bỏ được, nó chính là tai họa đáng thương của thế gian. Kẻ phạm phu gặp nó thì không có tai ách nào mà không đến'.

Hành giả đã bỏ được rồi, nếu còn nhớ lại, không khác người trong ngục vừa mới ra, lại nhớ ngục thật muốn vào. Như người cuồng vừa tỉnh lại muốn cuồng trở lại, người bệnh được lành lại mong mình được thêm bệnh. Người có trí tuệ biết điều đó là mê mờ điên đảo, người có niệm này sẽ chết không biết ngày nào !

Kẻ phàm phu mê đắm nữ sắc, cam lòng làm nô bộc cho tình yêu sai sử, trọn đời gánh vác những việc cay đắng khổ sở, tuy có ngàn mũi gươm dao đưa đến họ cũng cam lòng gánh chịu chẳng chút than van.

Nếu hành giả có thể bỏ mà không đóai hoài tới thì phá được các công cùm xiềng xích, ghét mê, nhàm bệnh thì lia được tai họa lo nghĩ. Tâm được an ổn là tốt, đã được ra khỏi lao ngục, vĩnh viễn không có hoạn nạn.

Người nữ có tướng yếu điệu dịu dàng, lời nói như mật ngọt ru hồn, nhưng lòng đầy thuốc độc. Suối lặng nước trong là chỗ ở của giao long, núi vàng hang báu là nơi cư ngụ của sư tử. Đây là chỗ họa hại không nên ở gần. Nhà cửa không yên là do người phụ nữ, tan nát dòng họ là hại bởi người vợ trong gia đình. Người nữ thật là một kẻ giặc âm thầm diệt hết trí huệ sáng suốt của con người.

Như lưới của người thợ săn đã bủa ra rồi ít con thú thoát nạn, như lưới chim vào rọ không thể bay ra, như lưới nhật bọ cá bị lừa vào không thể nào ra khỏi, như đường hầm tối, người mù đi vào không thể trở ra, như thiêu thân thấy lửa đua nhau lẫn vào. Vì thế, người trí biết rời nên xa lánh thì không chịu những điều tai hại. Sự mê hoặc tội tệ và xấu ác không gì bằng nữ sắc này.

Kinh Đại Bảo Tích nói : 'Người bị các khổ như tên độc bắn trúng, cây nhọn đâm thân, rớt xuống núi đao còn ít khổ hơn sự sai sử của người nữ. Họ mượn hương hoa trang sức cho đẹp đẽ, để người ngu thấy đó vọng khởi tham cầu, như chim lạc ngoài bể mong được vào bờ, chết bị đọa vào địa ngục A tỳ, hiện đời gặp nhiều thứ khổ vây quanh mình, bạn lành xa lia, cung Trời mất vĩnh viễn. Chẳng thà ta liêu vào ngục sắt nóng, chạy trên núi đao, nằm trên đồng than hồng, nguyện không bao giờ thân cận nữ sắc. Như chim vì tìm miếng ăn không tránh được lưới rập, người tham ái với người nữ bị hại cũng thế. Như cá ở trong nước, bơi lội trước lưới câu do mình muốn tìm mồi đâu ai hại mình được. Người nữ như kẻ bắt cá, lời dịu dàng dối gạt giống như lưới, người con trai giống như con cá bị lưới hay câu cũng như vậy, tự mình muốn tìm mồi ai bắt mình phải đến.'

Thứ hai là phương pháp phóng tâm (tâm buông bỏ). Kinh Đại Bảo Tích dạy : 'Nếu người một lòng chuyên tinh tự giữ mình, khi tâm tham dục phát khởi liền phải tỉnh giác, dùng phương tiện dẹp hết, lại làm tâm trở lại tịch tịnh như cũ.'

Muốn trừ sạch hết phải làm sao ? Chúng ta phải nghĩ thế này : Tham dục này vốn không là chẳng sạch, hãy tìm chỗ sanh chỗ diệt của tâm dục này từ đâu mà đến, rồi đi về đâu, trong ấy ai là người nhiễm, ai là người bị nhiễm, và gì là pháp nhiễm ? Được như vậy mới có thể vào sanh tử chôn trần lao mà không lo bị tai họa bởi tham, sân, si, nên gọi là phóng tâm.

B.-Về quyết liễu : Nếu người xa lia các vọng tưởng được rớt ráo, không nhiễm, rỗng rang như hư không, thì Phật quá khứ và Phật hiện tại đâu chẳng phải là Phật ở vị lai. Vì sao ? Vì người muốn tìm hạt châu quý báu, vô giá phải ở thương minh (biển sâu), muốn được của báu trí huệ phải tìm từ trong phiền não. Tướng ngũ nghịch là tướng giải thoát, cõi Ma tức là cõi Phật. Nếu còn nghe lời Phật mà vui mừng, nghe lời Ma mà nổi giận thì chẳng phải là người giác ngộ được các pháp, muốn đến Bắc phải hướng Bắc mà đi, không được có ý về Nam, ngược đường mà đi, đâu được cùng người luận đạo.

Xưa có một vị đại Tiên tên Lộc Đế, dùng thần chú làm cạn cả nước, có cô dâm nữ dụ được làm trời hạn đổ mưa. Người nữ ấy chính là Bà Gia Du Đà La, vị lai sẽ thành Phật

hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai. A Na Luật ngày xưa là đầu đảng trộm cướp, một hôm vào chùa ăn trộm hạt châu trên trán Phật, lấy mũi tên khơi ngọn đèn trên bàn Phật, làm cho ánh sáng cháy mãi không dứt. A Na Luật Tàu dịch là Vô Diệt (không dứt cũng từ lý do này). Ngài tương lai sẽ làm Phật hiệu là Phổ Minh Như Lai. Hai vị Phật ở vị lai này đủ chứng minh rõ ràng rằng dù phạm dâm hay phạm trộm cũng đều thành Phật.

3. Trì giới, Phá giới đều tướng như Phật.

Trong giới luật, về giới tướng có hai loại: 1/ Giới của Thanh Văn gọi là Tăng giới, 2/ Bồ tát giới gọi là Phật Giới. Về Thánh Văn giới có bảy chúng chẳng đồng:

1. Tỳ kheo giới gồm có 250 giới.
2. Tỳ kheo Ni giới gồm có 348 giới.
3. Thức Xoa Ma Na học sáu pháp.
4. Sa Di gồm có 10 giới.
5. Sa Di Ni cũng có 10 giới.
6. Ưu Bà Tắc (cư sĩ nam) gồm 5 giới.
7. Ưu Bà Di (cư sĩ nữ) cũng có 5 giới

- Về Bồ tát giới có 2 chúng tại gia và xuất gia: Căn cứ vào Kinh Địa Trí, tại gia Bồ tát giới có 6 giới trọng và 28 giới khinh. Căn cứ vào kinh Phạm Võng, xuất gia Bồ tát gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh. Giới Bồ tát này cũng gọi là Kim Cương Quang Minh Bửu Giới, cũng gọi là Tam Tụ Tịnh giới:

1. Nhiếp luật nghi giới.
2. Nhiếp thiện pháp giới.
3. Nhiêu ích hữu tình giới.

Cách trì giới: Bảy chúng đệ tử của Phật giữ gìn giới hạnh ở trong 4 oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm, có mật thiết quan hệ. Nếu ở trong 4 oai nghi này có một oai nghi nào không tỉnh giác thận trọng là không thể trì. Chữ trì đây có nghĩa là gìn giữ vâng làm. Vì vậy trong lúc đi đứng nằm ngồi không được lơ lửng nên gọi là trì.

Tỳ kheo có 250 giới: 4 giới đầu thanh tịnh gọi là trì căn bản giới. Còn 246 giới sau mỗi giới đều thúc liễm giữ gìn không cho mất gọi là Tỳ kheo toàn trí. Thầy Tỳ kheo trước tiên ở trên giới đàn, Thầy Yết Ma 3 lần tác bạch, bảy chứng sư vì đại chúng chứng thành, gọi là đã được giới thể. Gìn giữ như thể cho đến thành Phật, được Pháp thân đều từ giới này làm gốc.

Tỳ kheo ni giữ 8 giới trọng, mãi mãi không phạm gọi là căn bản giới thanh tịnh. Còn 340 giới cũng phải bảo toàn không mất gọi là giới phẩm hoàn toàn. Nếu giới phẩm được hoàn toàn thanh tịnh thì thành Phật có dư. Còn Thức Xoa Ma Na chỉ yếu có 6 pháp không phạm là đủ. Sa Di và Sa Di Ni chỉ yếu 10 giới pháp thanh tịnh. Trong 10 giới này chỉ có giới ăn phi thời có quan hệ rất lớn không thể không trì, giới này nếu không trì thì tất cả các giới khó khỏi không phạm. Giới Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di phải giữ 5 điều giới luật, ai cũng biết rõ.

Phá giới: Tỳ kheo trong 4 giới trọng, bị phạm một giới gọi là phá căn bản giới, cũng bị mất giới thể, suốt đời không được khôi phục. Các giới sau có bị phạm gọi là phá chi mạt giới, cho đến rất nhỏ gọi là đột kiệt la. Ở cõi Trời Tứ Thiên Vương, một ngày một đêm bằng nhân gian 50 năm. Ở Địa Ngục, một ngày một đêm bằng ở Tứ Thiên Vương 50 năm. Cứ như thế tính thành năm tháng. Người tội ở trong Địa ngục phải trải qua 500 năm mới ra khỏi ngục. Đây là thời gian của người phá giới tội rất nhỏ, bị đọa vào Địa ngục. Sáu chúng sau so sánh như trên thì biết. Nếu người sau khi phá giới phải sanh lòng hổ thẹn, đến trước vị A xà lê chân thành thổ lộ, không được dấu diếm dù nhỏ bằng sợi tơ. A xà lê sẽ hứa cho sám hối, nếu nhẹ thì tác pháp sám, tập hợp 20 vị Tăng, đối chúng phát lồ, khóc lóc cầu xin, cứu kính không tạo tội mới, sau khi tác pháp rồi, luôn luôn vâng lời Thầy dạy, hoặc trì chú bao nhiêu biến, hoặc tụng kinh bao nhiêu quyển, hoặc lễ sám bao nhiêu bộ, làm xong mới cho vào chúng đồng tu. Nếu phạm căn bản giới sẽ không được sám hối.

Thủ Tướng sám: chẳng luận tụng kinh lễ sám hoặc thời hạn 7 ngày, 49 ngày, 90 ngày hoặc đến 1 năm, 3 năm, cần phải thấy hảo tướng như ánh sáng Phật, hoặc Phật đưa tay sờ đỉnh, hoặc chư thiên tán hoa... được các tướng như thế, tội mới sạch, gọi là Thủ Tướng sám.

Vô Sanh sám: Quán sát tánh của tội ấy, không ở trong, ngoài và chặng giữa, lại không ở quá, hiện, vị lai. Cuối cùng tội từ chỗ nào mà khởi? Tội không tự tánh, do nhân duyên sanh, đã từ nhân duyên mà sanh rồi cũng từ nhân duyên mà diệt. Từ nhân duyên mà sanh là người trong không dùng tâm tầm quý (xấu hổ) làm nhân, ngoài nhờ bạn ác làm duyên, do đó mà tạo ra các tội, nên gọi là sanh. Từ nhân duyên mà diệt là người trong lấy việc tầm quý (xấu hổ) phát lồ làm nhân, ngoài nhờ thiện tri thức làm duyên, nên có thể diệt hết các lỗi lầm nên gọi là diệt. Sáu chúng sau muốn sám hối khi phá giới cũng theo ba pháp sám kể trên.

Trì Bồ tát giới là người từ ở trong thân này đến khi thành Phật không được phạm gọi là Trì.

1. Nhiếp luật nghi giới là các ác đừng làm. Tất cả ác không làm gọi là trì, đã làm gọi là phạm, nên gọi không làm (chỉ) là Trì, có làm (tác) là Phạm.

2. Nhiếp thiện pháp giới: Tất cả việc lành đều làm gọi là Trì, không làm là Phạm nên gọi làm (tác) là Trì, không làm (chỉ) là Phạm.

3. Nhiều ích hữu tình là không chúng sanh nào mà không độ. Hai cái chỉ và tác ở trên đều là tự độ, cùng độ người, nếu không độ người gọi là Phạm.

Chúng ta, những người niệm Phật, phạm thấy bốn chúng đệ tử của Phật không cần so tính trì giới hay phá giới, không được vọng khởi phân biệt, dùng tâm bình đẳng như Bồ tát Thường Bất Khinh trong Kinh Pháp Hoa thấy tứ chúng liền sanh cung kính, khen ngợi, lễ bái: 'Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài đều sẽ làm Phật'. Nên nói gặp mọi người đều sanh ý tưởng đang gặp Phật.

Hỏi: Kinh Phạm Võng nói: 'Nếu người thọ giới Phật tức vào địa vị của chư Phật.' Các hàng xuất gia là bậc mang giới luật như trăng sáng, đeo châu anh lạc, dự vào địa vị tam tôn, mô phạm cho bầy chúng. Nếu không tinh trì giới luật, vọng động làm điên đảo, ô uế thiện môn. Những người như thế, khinh chê đó cũng không lỗi, đánh đó cũng chẳng tội gì?

Trong Kinh Như Lai Tam Muội Hải, đức Phật vì phụ vương mà nói: 'Ngày xưa có 4 vị Tỳ kheo phạm luật, lấy làm hổ thẹn, không biết nương tựa vào đâu. Bỗng nhiên trên hư không có tiếng nói: 'Các Ông đừng nói rằng không còn cách gì cứu! Không phải vậy, đức Không Vương Như Lai, tuy đã vào Niết Bàn nhưng hình tượng hãy còn. Các Ông nên vào tháp, một lòng quán tưởng hào quang trắng ở giữa chân mày của bảo tượng. Các Tỳ kheo nghe theo rõ lẽ mà nói rằng: 'Phật tượng còn diệt được tội trọng như vậy huống hồ chân dung, khởi thân đánh lễ đầu mặt sát đất, các tội liền tiêu. Ngày nay ở bốn phương đều thành chánh giác: phương Đông Phật A Súc, phương Nam Phật Bảo Tượng, phương Tây Phật Vô Lượng Thọ, phương Bắc Phật Vi Diệu Thịnh. Bốn vị Tỳ kheo phá giới này một lòng quán bửu tượng, liền được vào vị đứng Đại Hùng của đời. Người niệm Phật đâu nên tự làm và đem đến việc làm lạc cho người khác.

Kinh Đại Tập nói: 'Nếu các vương thần đánh mắng những người xuất gia trì giới hay phá giới, tội đồng chích một trăm ức thân Phật ra máu'. Nếu thấy có người mặc áo cà sa, không luận là trì giới hay phạm giới, chỉ tưởng như Phật, người có tướng Phật là người chứng được Niệm Phật Tam muội vậy. Đây lời vàng của Phật dạy và cũng là ý chỉ của Bồ tát Thường Bất Khinh trong Kinh Pháp Hoa, đâu được chảnh tin ư!

Thà làm Tâm của Thầy, đừng làm Thầy của Tâm, thấy xan tham quán tưởng bồ thí, thấy người phá giới quán tưởng trì giới. Vì vậy mà ta không bị cảnh giới lục tặc trời buộc, thành tựu Quán môn Lục Độ Ba La Mật. Nếu cố tâm phân biệt, tự mình nhận lấy tội tằm. Như có thể thấu hiểu được chỗ nhận thức này thì Niệm Phật Tam muội thành tựu dễ dàng như nước chảy trong sông vậy.

4. Hiện ở Địa Ngục Không Ngại Thọ Ký

Hỏi: Như kẻ hiện ở nơi Địa ngục, hoặc Nga quý, Bồ đề tâm khó có thể phát khởi, dòng sông đã đục chưa biết kỳ hạn bao giờ được trong, đâu được xem đồng như Phật?

Đáp: Hái thuốc quý không phải lấy từ nhà trồng hoa, lấy thuốc pháp không phải tự nhiên mà có được.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói về 4 thứ thọ ký:

1. Thọ ký người chưa phát tâm.
2. Thọ ký người mới phát tâm.
3. Thọ ký bí mật.
4. Thọ ký hiện tiền.

Nay kẻ hiện ở Địa ngục, Nga quý, Phật thọ ký tương lai chắc phát đại chí, gặp bạn lành, thực hành đạo Bồ tát, hoàn thành bậc Chánh giác, chính là Phật thọ ký cho người chưa phát tâm sẽ được thành Phật. Khi Phật nói bôn hạng người được thọ ký, ngài Ca Diếp bạch Phật: Chúng con từ nay đối với tất cả chúng sanh tưởng như Thế Tôn, nếu sanh lòng khinh, tự mình bị hại. Phật bảo, lành thay lời nói rất hay! Mọi người đều không thể suy lường chúng sanh, chỉ có đức Như Lai là có thể hiểu thấu đáo. Ta bảo các hàng Thanh văn và các vị Bồ tát đối với chúng sanh nên sanh ý tưởng như Phật.

Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói: 'Muốn phá trăm vạn cửa chướng, cần dùng tướng chúng sanh như Phật này. Phạm nhà chứa châu báu tuy chưa mở cửa, không ngại gì nói có châu báu trong nhà. Hạt châu trên trán che kín, không ngại gì

nói châu ẩn trên trán. Nếu không niệm chúng sanh là đương lai Phật, ắt bị sáu trần khuấy nhiễu, lại bị ma quân, tự mình phá hoại thành lũy, bảo tồn cho nước địch, luôn luôn khởi lòng cừ oán. Hai bên chiến trận chưa yên, trống trận còn thúc vang dội, đâu có thể nằm an nhàn say ngủ. Người có thể ngộ sắc thanh là Phật, thời chúng sanh đều là Phật ở tương lai, chắc không lập tâm ở phạm cảnh trước đây, hoặc tưởng thân mình là bản tôn, thì quán môn thâm diệu của Du Già chơn ngôn, không cần tính toán cũng có được.

Hỏi: Những người ở Địa ngục là người chưa phát tâm, đức Như Lai là một đấng Pháp vương vì lòng từ bi thương xót mà thọ ký cho. Thật ra họ là người chưa ngộ thì bao giờ mới tỉnh?

Đáp: Cái nguồn của trường giang (sông dài) tràn đầy chừng một chén; gốc của đại mê chỉ ở trong hai cái chấp ngã và Pháp mà thôi. Nếu ngoài niệm mà lập ra vô niệm, ngoài sanh lập ra vô sanh thì sanh tử khác với Niết bàn, thì lời vàng của chư Phật cũng không dạy được. Nếu biết rõ niệm mà vô niệm, sanh mà vô sanh, thì phiền não tức Bồ đề, một tướng trang nghiêm nhân đây mà có thể ngộ được.

Cũng như đàn ong ở đỉnh núi đem về phòng vẫn cho mật tốt; bầy bâu đẻ trong giếng đơ đem lên không thể bỏ, mà không cho là của quý? Sự quý báu gốc vốn nó đã có đủ, không phải đợi đến bây giờ mới có. Chúng ta hãy xem xét khắp tất cả chỗ mà ta duyên đến đều thấy đức Như Lai thì những thứ tham, sân, si làm sao sanh ra còn được?

Trong Kinh Như Lai Tạng dạy: 'Ta dùng Phật nhãn xem tất cả chúng sanh trong tham, sân, si và các thứ phiền não đều có trí Như lai, mắt Như lai, thân Như lai đang kiệt già an ngồi, nghiêm nhiên chẳng động; cho đến đầy đủ các đức tướng như ta không khác gì? Dùng chín thí dụ để rộng nói rằng, tất cả chúng sanh đều có Như lai Tạng. Trong lời giải thích bài tạng của luận Thật Tánh dạy: 'Trong cảnh hoa héo có chư Phật, trong thùng phần có vàng vòng, trong đất có tạng trân bảo, trong các trái củ có mầm non, trong chiếc áo rách có tượng vàng ròng, trong người con gái nghèo xấu có mang chuyển luân vương, trong đám bùn lầy có bảo tượng thượng diệu. Chúng sanh có đầy đủ các thứ tham, sân, si, vọng tưởng phiền não, nhưng trong cái cảnh trần lao đều có Như lai Tạng'. Qua chứng minh trên chúng tỏ rằng hiện ở trong Địa ngục không có trở ngại gì cho việc thọ ký.

Hỏi: Bạc chí nhân (chí tôn) khi dụng tâm là các thứ phan duyên đều dứt hẳn, còn chúng sanh phóng tâm chạy theo duyên, đều thấy Như lai, chưa biết ở giáo lý nào? Kinh điển nào?

Đáp: Trong giáo lý có dạy: 'Người khởi tâm duyên khắp sáu trần, ba nghiệp nhưng phát diệu nguyện vào cảnh giới Phật, mỗi thứ duyên khởi không lìa Như lai gọi là thấy tất cả, chỗ thấy viên mãn này không phải do mắt mà thấy được.

Kinh Niết Bàn dạy: 'Thanh văn có Thiên nhãn được coi là Nhục Nhãn (mắt thịt), người học Đại thừa lấy nhục nhãn (mắt thịt) làm Phật nhãn vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh'.

Kinh Thắng Thiên Vương dạy: 'Các Đại Bồ tát dùng sức phương tiện thực hành Bát Nhã Ba La Mật, đối với tất cả pháp, tâm duyên tự tại. Duyên tất cả sắc nguyện được Phật sắc không chỗ được. Duyên theo các tiếng nguyện được vi diệu âm thanh của Như lai. Duyên các thứ hương nguyện được thanh tịnh giới hương của Như lai. Duyên các mùi vị nguyện được vị đệ nhất Trượng Phu Tướng của Như Lai. Duyên các sự xúc chạm nguyện được bàn tay mềm mại của Như lai. Duyên các pháp nguyện được tâm tịch tịnh của Như

lai. Duyên thân nguyện được thân Phật. Duyên khẩu nguyện được Phật khẩu. Duyên ý nguyện được ý bình đẳng của Như lai. Đại Bồ tát thực hành Bát Nhã Ba La Mật không có một tâm một hạnh nào luống qua mà không hướng vào Nhất thiết Chúng trí, duyên khắp các pháp mà không chấp trước. Quán thấy các pháp đều hướng về đạo Bồ đề; Bồ tát tu tập các hạnh đều do ngoại duyên mà thành lập, cũng như quả đất, trên đó nếu muốn đào ao, đào giếng liền có nước mà dùng, nếu không chịu đào, không làm sao mà có được nước? Cảnh giới thánh trí cũng thế, trùm khắp tất cả pháp, nếu người nào siêng năng tu Bát Nhã Phương Tiện thì sẽ được Thắng trí Bát nhã, nếu không chịu tu thì làm sao có thể đạt được?

5. Quán không, vô ngã chọn việc thiện mà theo.

Hỏi: Tức phàm là thánh đều là vô ngã. Như thế vô ngã của Tam giáo tức không khác, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Tên của Tam giáo ban đầu đã không khác lý lại chẳng đồng. Đức Phu Tử (Trọng Ni) ở trong Tứ Tuyệt có nói đến Vô Ngã là ý khiêm nhường; Đạo Lão nói vô ngã là nói thời gian dài không có chủ; Còn Đạo Phật nói vô ngã là quán năm uẩn đều không.

Khổng giáo và Lão Giáo đều không hiểu rõ ngũ uẩn thì làm sao hiểu được Tứ Đế, Lục Độ Vạn Hạnh. Nói gì đến giai cấp. Thánh Hiền tuyệt nhiên chưa nghe, nên kẻ sĩ tu tâm cần phải chọn việc tốt nhất mà theo đó.

Vì việc Bất thiện (chẳng lành) không ích lợi đối với chí chơn, không ghi và quên luôn cả thiện và ác, làm trở ngại cho Phật Pháp, đâu không phải từ đó mà ra nên Thánh Nhân đơn giản (bỏ) mà không lấy. Niệm Phật Tam Muội là bậc thiện tối thượng, là đầu của muôn hạnh, nên gọi là vua Tam Muội.

6. Không chọn thiện không bỏ ác

Hỏi: Nếu chọn thiện để theo vì sao không chọn cái thiện của Chư Phật và bỏ cái ác của chúng sanh?

Đáp: Không cần đổi câu hỏi lại, cũng thành câu đối đáp. Vì sao, vì chọn thiện mà theo thì bao hàm cái ác mà thiện, tức vọng mà chơn. Nếu có thể niệm Ông Phật ở vị lai, nói cái sanh của Bồ Tát Thường Bất Khinh thì trời đất là một, muôn vật là một lông ngựa vậy.

Chúng sanh đều là Phật nên cõi này thường thanh tịnh, khác nào Ngài Xá Lợi Phất xem cõi này là đá, cát, sỏi, gạch, đồng với cõi trần bảo trang nghiêm của Phạm Vương, vì vậy chọn chỗ chí thiện là không ai có thể bỏ.

Kinh Pháp Hoa nói rõ diệu ý tuyệt đối đăi: ‘Chúng sanh thấy kiếp cuối, khi lửa lớn thiêu đốt, cõi ta đây yên ổn, trời người rất sung túc, lầu nhà và vườn rừng, các thứ báu trang nghiêm’.

Trong Kinh Thắng Thiên Vương nói: ‘Chỗ Phật ở thật không phải cõi uế, vì chúng sanh phước mỏng nên thấy có bất tịnh’. Phàm năng lực mạnh mẽ của Tam Muội, không thể dùng vọng tưởng muối rệp (nhỏ nhít) mà có thể phá hoại. Gỡ hồng chung niệm mười niệm không gián đoạn, đối với tán tâm niệm Phật có sai khác rất rõ. Niệm Phật A Di Đà là niệm chung cả Chư Phật trong ba đời, niệm Chư Phật Bồ Tát cũng như vậy. Luận Đại Thừa Khởi Tín dạy: ‘Y cứ vào một hướng nên bị lầm chuyễn (Tây cho là Nam) sự thật phương hướng không có đổi. Vì thế, biết rõ được một phương là các phương khác đều

đúng, niệm một vị Phật là Chư Phật hiện tiền. Đây chính là yếu nghĩa của Pháp Môn Đại Thừa vậy.

7. Không thể ăn thịt tất cả chúng sanh

Hỏi : Thịt là thứ để cho người ăn, người niệm Phật cấm tuyệt là ý gì ?

Đáp : Quốc Vương Thi Tỳ xã thân cứu con vịt đem toàn thân cân mới bằng, người và cầm thú tuy khác, nhưng đều tham sống sợ chết, nên đâu có thể ăn thịt nó, dùng béo thân mình để hại mạng nó đâu chẳng đáng sợ sao ? Nếu biết rằng chúng sanh là Phật vị lai, thì ai nỡ dùng dao giết hại mạng chúng!

Kinh Thủ Lăng Nghiêm có bài kệ: 'Vì lợi giết chúng sanh, vì tiền lưới các vật. Hai món đều nghiệp ác, chết vào ngục kâu than'. Vì thế, Phật dạy nếu đem tiền của bỏ thí thì kẻ lưới thú và những người làm hàng thịt tự nhiên không có. Vì vậy, Tổ Long Thọ không khinh chim nhỏ, bậc cao tăng không dám đập trùng kiến. Nếu có người hỏi việc này ta có thể đáp: Các chúng sanh lớn nhỏ cùng với ta đồng ở trong bể sanh tử, các chúng sanh kia hoặc có kẻ thành chánh giác trước ta, đâu thể dám khinh lờn. Khinh còn không được, huống gì ăn máu thịt của chúng.

Luận Bửu Tánh dẫn Kinh Như Lai Tạng dạy: 'Chúng sanh là Đệ nhất nghĩa đế (Phật), là Như Lai Tạng, là Pháp Thân, là Bồ Đề'. Nếu người không hiểu ý chỉ niệm vị lai Phật, như con chó chỉ đuổi theo gói đồ ăn, không theo người, việc theo đuổi biết bao giờ dứt. Người chỉ niệm Phật quá khứ và hiện tại mà không niệm Ông Phật vị lai thì lòng ngã mạn không dứt. Nếu sư tử đuổi theo người, thì gói đồ ăn vứt ngay vì không cần thiết. Chúng ta thường nghe cung kính và ngã mạn là một, nhưng tánh cách rất khác nhau. Bỏ cung kính theo ngã mạn đối với cha mẹ là đại nghịch, bất đạo, bỏ ngã mạn theo cung kính đối với cha mẹ là người đại hiếu. Nên kinh Phạm Võng dạy: 'Chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ. Hiếu gọi là giới, thiện căn phát khởi từ đây.' Quán chúng sanh trong sáu đường đều là Phật ở tương lai rất gần với ý tưởng xem chúng sanh trong sáu đường là cha mẹ. Như vị Sa Di cứu đàn kiến tuổi thọ gia tăng, Lưu Thủy Trưởng giả dẫn nước cứu cá được Trời rưới hoa, thay cái chấp vô số kiếp lượng của chúng sanh để niệm cái thân của tương lai Phật. Phải biết trong đồng phân ô uế có vàng ròng, tuy có nhiều lớp mây che, nhưng sau đó là trắng sáng. Như thế việc ham ăn thịt là những mây mù nghiệp báo sanh tử, cần phải dùng gió Huệ quét sạch thì Tam Muội hiện tiền, Kinh Phạm Võng dạy : 'Ta là Phật đã thành, các Ông là Phật đang thành.' Nếu người thường có lòng tin như vậy thì giới phẩm đã trọn vẹn, đâu được không thể niệm vị lai Phật ư?

Hỏi: Thịt không được ăn tôi đã tin rồi, còn ngũ tân thì sao?

Đáp: Kinh Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm dạy : 'Năm thứ rau này, nếu ăn chín thì khởi lòng dâm, ăn sống tăng giận hờn. Người ăn năm thứ rau này dù có thể nói giỏi mười hai bộ kinh, Thiên Tiên trong mười phương nghe mùi hôi hám nên đều xa lánh, các naga quý theo người ăn ngũ tân liếm môi mỏ, thường cùng quý ở chung. Phước đức mỗi ngày mỗi tiêu, thường không lợi ích. Những người tu thiên ăn ngũ tân này, Bồ Tát Thiên Tiên, Thiên Thần trong mười phương không đến giúp hộ, Đại Lực Ma Vương được nhiều phương tiện gia hại. Người tu Đạo Bồ Đề phải vĩnh viễn đoạn tuyệt ngũ tân, đây là việc tăng tiến thứ nhất trong việc tu hành, đây là lời vàng chúng ta đâu nên trái lại.

Kinh Bách Dụ nói: 'Có người ở trên đường nhặt được một rương tiền vàng, cầm cúi đếm chưa xong, chủ rương tiền đến, lấy tiền lại. Người đi đường hỏi hạn sao hỏi trước

không đi nhanh, buồn rầu khổ sở? Như người gặp Phật Pháp không gấp siêng năng tu hành, chỉ thích nghe nhiều, bắt chọt mạng chung, đọa vào ba đường ác, như người ngu kia, lẩn quẩn tính toán để người chủ đến đoạt mất. Có bài kệ rằng:

Ngày nay tạo việc này,
Ngày mai tạo việc kia,
Vui đắm không biết khổ,
Không ngờ giặc chết đến,
Dần dà lo các việc,
Kẻ phàm đều như vậy,
Như kẻ đếm tiền kia,
Việc đó cũng như vậy.

II. Quyển Trung: Quyển Trung gồm có sáu môn, Niệm Cứu Kính Giác là niệm ông Phật hiện tại chuyên chú vào một cảnh.

8. Niệm hiện tại Phật chuyên chú vào một cảnh

Hỏi : Niệm vị lai Phật chính là chúng sanh đã nghe được huyền chỉ sự rộng, lý sâu, lại e tâm tán loạn khó thức liễm, nay muốn dùng một đề thấu suốt tất cả, chuyên niệm một vị Phật ở phương Tây, niệm một vị Phật để vào vị bất thối, bỏ tâm hữu lậu, chèo thuyền ở ao vàng ròng, lễ Phật Di Đà ở Điện Bạch Ngọc, dùng chung ba đời, mong vào chín phẩm có thể được chăng ?

Đáp : Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, Bồ Tát Long Thọ y theo Kinh Hoa Nghiêm mà tạo luận. Trong luận có phẩm hạnh dễ làm viết : 'Đường thực hành của Bồ Tát có hạnh khó làm như người đi bộ vất vả gian nan; có hạnh dễ làm như người đi thuyền khỏe thân mà mau đến. Năng lực bản nguyện của Phật A Di Đà, nếu người nghe danh xưng niệm, chính mình được về nước Cực Lạc kia, như thuyền nước xuôi gặp gió thuận, ngày vượt xa ngàn dặm đâu có khó gì ! Vì thế, Phụ Vương và quyến thuộc của Đức Thích Ca Như Lai, sáu muôn họ Thích đều sanh về cõi Cực Lạc vì Phật A Di Đà và chúng sinh trong thế giới này có duyên sâu dày, nên chuyên chú một cảnh, viên thông cả ba đời là điều rất tốt vậy.

Hỏi : Chuyên chú một cảnh, viên thông ba đời là điều rất tốt, nhưng xưng niệm tự tâm mình để được vãng sanh về nước kia là dùng hữu vi hư giả như gió làm nhiều sóng, đâu chẳng tưởng bậy ở bên ngoài, mình chỉ nhiếp tâm ở bên trong làm sao hợp với ý chỉ vô vi ?

Đáp : Hữu vi tuy hư giả bỏ đi thì đạo nghiệp khó thành, vô vi tuy thật lấy đó thì tâm huệ không sáng. Trong kinh dạy : 'Nhàm lia công đức hữu vi là ma nghiệp, ưa đắm công đức vô vi cũng là ma nghiệp. Ông nay chán hay vui sự giao tranh đấu chằng lặc vào hang quỷ ư ? Nếu Thánh Hiền nhiếp tâm gọi là nội, Phạm phu đã tưởng gọi là ngoại, nếu cho chạy bên ngoài là loạn, trụ ở bên trong là định. Chỗ chạy loạn bên ngoài hoặc bên trong đều không phải là ý của chỗ nhiếp tâm của niệm Phật Tam Muội. Trong phần chú kinh Duy Ma Cật, Pháp Sư La Thập kể : Ở nước ngoài có một người con gái rất đẹp, thân thể như vàng ròng, có người con của một vị trưởng giả tên là Đạt Mộ Đa La dùng một ngàn lượng vàng để cưới, khi rước dâu đi ngang Tinh xá Trúc Lâm, Bồ Tát Văn Thù ở trên đường biến thân một nữ cư sĩ, mặc bộ đồ rất quý báu sang trọng, người nữ thấy rồi lòng tham phát khởi, muốn được bộ đồ đẹp ấy. Ngài Văn Thù nói : Nếu cô muốn được bộ đồ đẹp này, cô phải phát Tâm Bồ Đề, tôi sẽ tặng cho. Người nữ hỏi thế nào là Tâm Bồ Đề ? Ngài Văn Thù trả lời : Chính là thân cô đây ! Cô ta hỏi : đó là ý nghĩa gì ? Ngài Văn Thù đáp : Tánh Bồ Đề vốn không, thân của cô cũng không. Người con gái đời trước đã từng ở nơi Phật Ca Diếp gieo trồng nhiều căn lành, rộng tu trí huệ, nghe lời ấy rồi liền chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Được Pháp Nhẫn rồi mới biết sự ham muốn của mình là sai, liền cùng con ông trưởng giả đi vào rừng. Khi vào rừng, cô ta hiện tướng ngất xỉu mà qua đời, thời gian sau thân thể sinh chương hôi thối. Con ông Trưởng giả thấy thế rất sợ, tìm đến Tinh xá, Phật thuyết pháp cho ông cũng được Pháp Nhẫn. Người Đại Giác chưa thành, chưa rảnh rồi việc nên gọi là nhẫn, như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy, nữ thân không, thân Phật cũng không, đâu có gì là. Nếu được như thế thì tất cả hữu vi là vô vi, tất cả trong ngoài không phải trong ngoài. Vì thế, ở chỗ có mà chưa từng có, có mà thường không, ở chỗ không mà chưa từng không, không mà hằng có thì nào lo gì Phật có tướng tâm có niệm.

9. Đời này đời sau một niệm mười niệm

Hỏi : Đã nói về chỗ dễ làm và khó làm, quán thân là Bồ Đề ý chỉ đã rõ ràng, người sống ở đời mong manh như điện chớp, nếu để một niệm dần dà ăn năn không kịp. Người tu hành, biết tâm vô thường hướng là thân, thân còn vô thường hướng là vật ngoài thân. Một khi hơi thở ra không trở vào liền thuộc đời sau, gió nghiệp thổi bùng bùng, mờ mờ không biết về đâu, dám mong chỉ cho thế nào một niệm và mười niệm vãng sanh và cái kế của đời này và đời sau thế nào ?

Đáp : Pháp môn Tịnh Độ công năng rất lớn, hàng Nhị Thừa thì lắng thàn hư vô, chìm không sợ tướng, không nhớ chúng sanh, nên nói không có Tịnh Độ, nhưng Đại Thừa luôn luôn nhắc nhở. Kinh Bi Hoa dạy : Phật Di Đà xưa là một Chuyển luân vương tên là Vô Tránh Niệm có rất nhiều của báu và con cái. Nhờ có ông thiện tri thức là Bảo Hải đại thần hướng dẫn mà Ngài ở trước Phật Bảo Tạng phát Bồ Đề tâm, trang nghiêm Tịnh Độ Cực Lạc ở phương Tây, trong Kinh nói các Phật, Bồ tát, Thánh Văn đều là con cái của Ngài. Trưởng Thái Tử tên Bất Thuần là Đức Quan Thế Âm, con thứ tên Ma Ni là Đức Đại Thế Chí, con thứ tên Vương Chúng là Đức Văn Thù Sư Lợi, con thứ tên Dẫn Đò là Đức Phổ Hiền, con thứ tên Năng Già Nô là Bồ Tát Kim Cang Trí Quang Minh, con thứ tên Vô Úy là Như Lai Liên Hoa Tôn, con thứ Am Bà La là Bồ Tát Hư Không Quang Minh, con thứ tên Hương Tý là Bồ Tát Sư Tử Hương, con thứ tên Mật Tô là Phật A Súc. Mật Tô từ khi phát tâm tu hành, thường dùng phương pháp ký số niệm Phật theo từng bước đi, nhờ đó mà mau thành chánh giác, hôm nay đã thành Phật ở nước Diệu Lạc. Chúng ta ngày nay trong lúc đi bộ ở đường cái hay dạo bước ở vườn rừng, đều nên bắt

chước phương pháp niệm Phật của Ngài Mật Tô. Dù ở chốn đế đô, người qua kẻ lại, xe ngựa rộn ràng, không khí rộn rịp, ta luôn luôn nghĩ đến sinh tử là việc lớn, cần phải dụng tâm niệm Phật theo mỗi bước chân đi. Cõi đời thân người mong manh, sanh tử chỉ trong hơi thở, bất kỳ thời gian nào dù đang súc miệng, chải tóc đều cùng là bờ mé của sinh tử. Người đời phần nhiều lấy ngọc, gỗ, đá làm số châu niệm Phật, riêng tôi chỉ lấy hơi thở làm niệm châu, niệm danh hiệu Phật theo hơi thở, mỗi hơi thở là một câu, có nhiều lợi ích, không lo gì một hơi thở không trở lại liền thành đời sau. Ông nên đi đứng ngồi nằm thường dùng loại châu này để niệm Phật. Dù sắp ngủ cũng ngâm ông Phật mà ngủ, thức dậy lại tiếp tục. Chắc chắn ở trong mộng được thấy Phật A Di Đà, như người cọ lửa vừa thấy khói sanh lửa liền cháy sáng. Nếu trong mộng mà vẫn thực hành được pháp tu này thì Niệm Phật Tam Muội liền thành, tặng mặt gặp Phật A Di Đà, xin Ngài thọ ký, chắc được kết quả, ông hãy gắng đó.

Hỏi : Một niệm, mười niệm vãng sanh Tịnh Độ lấy cái nào làm chánh?

Đáp : Một niệm vãng sanh vào địa vị bất thối làm chánh. Như Phật dạy: Chê Phật, hủy kinh, đánh tăng, làm nhục bực tôn túc, thuộc về tội ngũ nghịch, tứ trọng đều do một niệm mà thành, bị đọa vào địa ngục nhanh như tên bắn. Hôm nay người niệm Phật sanh Tịnh Độ là nhất niệm thiện nghiệp thành tựu, được về Cực Lạc nhanh như khảy móng tay. Một niệm trước năm ám diệt một niệm sau năm ám sanh, như ấn sấp in vào bùn, ấn tan thì văn thành không có hai niệm. Ngày xưa có vị Sa Di ưa tô lặc, một niệm sanh ưa thích, sau sanh làm con trùng ở trong lặc. Vợ của ông Trưởng giả Đại Tát Bà, ngồi đối với gương sáng, soi gương tự khởi một niệm ưa thích thân mình, sau đó gió thổi chìm thuyền, bà sanh làm con trùng ở trong tử thi. Tất cả đều do một niệm mà ra. Trong kinh Vô Lượng Thọ viết: người có một niệm niệm Phật đều được vãng sanh. Quán Kinh dạy 10 niệm vì người tật bệnh yếu ớt, sức kém, tâm yếu, nên lấy 10 niệm xưng danh để giúp cho một niệm. Nếu tâm mạnh mẽ, không mê, chỉ cần một niệm cũng đủ sanh rồi không có gì lo ngại.

10. Tâm ấy là phật, tâm ấy làm Phật

Hỏi : Trong kinh có nói rõ tâm ấy là Phật, tâm ấy làm Phật. Vì sao lại xưng niệm danh hiệu của Phật A Di Đà ở phương xa, giữ tướng Cực Lạc, có phải là từ ngoài tâm mà tìm Phật không ?

Đáp : Câu hỏi của ông là dẫn từ Quán Kinh, ý chính nói rõ về niệm Phật A Di Đà, vì nhớ Phật nên Phật từ trong tướng mà sinh ra, nên nói tâm ấy là Phật. Đâu thể trộm lấy phương pháp Quán Tướng Phật A Di Đà mà xoay lại nói tâm mình là Phật A Di Đà. Nếu nói rằng không cần xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà mà tâm ấy là Phật, cũng như không tưởng ác mà tâm ấy là tâm ác. Đem so sánh thì biết. Huống nữa Đức Phật A Di Đà là Bạc Chí Tôn ở nước Cực Lạc. Nước Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, núi Tu Di đều là vật ở trong tâm nên không làm nhãn căn ta chướng ngại, hằng hà sa tướng hảo, do sức nguyện lực của Phật mà tướng thành, khảy móng tay liền được vãng sanh, đâu cần vọng tình cõi kia xa gần.

Hỏi : Ánh sáng của Phật, ánh sáng của Ma, tự quán và tha quán, tà chánh lộn xộn mong được khai thị rõ ràng từng điểm một ?

Đáp : Y theo tướng mà hiện gọi là tự mình quán, đó là Chánh quán. Không y theo tướng mà hiện gọi là tha quán, cũng là Tà quán. Như ta quán tướng Bạch hào mà bạch

hào không hiện, trong lúc ấy chưa tưởng mắt xanh mà mắt xanh hiện là trái với bản tâm, huông là các tướng khác. Ánh sáng của Phật êm dịu, không bóng và không chói mắt, ánh sáng của ma thì có bóng và chói mắt. Kinh Lăng Nghiêm dạy : Ánh sáng của Ma chiếu đến làm ta nóng xót như lửa hừng, ánh sáng của Phật mát mẻ không chói mắt. Lại nữa : Ánh sáng của Phật làm người niệm Phật thân tâm lặng lẽ thanh tịnh, ánh sáng của Ma làm người niệm Phật cảm thấy tâm bồn chồn hoảng hốt. Kinh Niết bàn dạy : 'Trong suốt thanh tịnh là chơn giải thoát.'

Hỏi : Bậc chí nhân không có lo nghĩ, ở đây nói dùng tưởng, đâu chẳng sai lầm ư ?

Đáp : Kinh Đại Oai Đức Đà La Ni dạy : 'Muốn vượt qua ba cõi và kiến tư hoặc cần phải phát khởi tâm muốn, Tưởng không phải là Tâm ham muốn. Đây cần kể rõ : 'Muốn tu niệm Phật cần phải phát tâm tưởng, tưởng mà không có tưởng.' Kinh Phương Đẳng Hiền Hộ dạy : 'Người có ham muốn ác tướng đến người nữ, mộng thấy người nữ, có ham muốn thiện tướng Phật, mộng thấy Phật. Hai tướng tuy đồng tên mà thiện và ác cách xa một trời một vực, vì thế không thể nghe nói tưởng mà sanh nhầm chán. Nếu quả nhầm chán chắc sanh về cõi trời Vô tướng. Nếu chấp vô tướng mà chê tướng Phật thì vĩnh viễn rơi vào Địa ngục A Tỳ. Trong mười phương, đâu hy vọng được đến Thiên Cung! Huông nữa các cõi trời, chẳng phải là con đường giải thoát. Kinh Niết bàn dạy: 'Người nghe trống độc, xa gần đều chết.' Ở đây cũng như vậy, người bắt không theo tưởng, xa gần đều bị đọa. Kinh dạy : Hoặc có người được sanh lên các cõi Trời, lên cao xuống thấp cuối cùng cũng bị đọa. Phàm nâng thuyền hay úp thuyền đều do nước, hoặc đứng hoặc té đều từ đất. Tưởng Vọng tức chúng sanh, tưởng Chơn tức chư Phật, lìa ngoài tưởng ra còn dùng được gì ? Kinh Ban Chu dạy : Tâm khởi tưởng là si, vô tướng là niết bàn. Nên biết rằng người có tâm năng tưởng, tưởng Ông Phật sở tưởng hoặc lấy tướng Phật, lấy chấp không làm vô tướng đều thuộc về si. Hôm nay chúng ta rõ Phật từ tướng sanh, không Phật cũng không tưởng làm gì có si. Đây chính là Quán Không Tam Muội, không có tà kiến. Phàm là bậc chí chơn, rõ chơn thể tịch tịnh, tâm thường rỗng rang như hư không, muôn pháp đều chiếu, tâm chưa từng chấp có, đây là vô duyên của chơn trí, nên gọi là vô niệm, tục trí có duyên, tưởng niệm liền sinh. Lại nữa tưởng chẳng khác không, không chẳng khác tưởng, đó chính là Trung Đạo Đệ Nhất nghĩa đế, đây là hiển pháp thân. Không chẳng khác tưởng là tục đế, hằng sa muôn đức đều y theo tục đế, đây là hiển Báo thân. Tưởng tức không là chơn đế, phá 25 hữu, được 25 tam muội, thường không thường giáo hóa, hòa quang đồng trần, lợi vật độ sanh, đây là hiển thị Hóa thân. Như thế thì lấy Tam quán, quán tam đế, quán tam đế chứng tam Đức, thành tam Thân, cho đến 10 loại, ba pháp có chỗ nào chẳng được mà muốn bỏ cái tướng thanh tịnh để lấy cái tướng của vô tướng ư. Các Kinh Lăng Nghiêm, Mật Nghiêm đều dạy : 'Thà khởi hữu kiến như núi Tu Di, chẳng khởi cái không kiến bằng hạt cải.' Người tin có nhân quả còn tưởng niệm Phật sanh về Tịnh độ Cực Lạc, người bắt không như quả, chê việc niệm Phật chắc bị đọa địa ngục A Tỳ. Than ôi ! Há chẳng sợ ư!

11. Cao tiếng niệm Phật mặt hướng về tây

Hỏi : Tưởng tức vô tướng, tôi đã nghe qua. Trong Kinh Phương Đẳng dạy : Tu vô thượng Thân Diệu Thiên Định, phải tưởng bạch hào liên tục, gồm xung danh hiệu Phật để cầu được thắng định, đã khế hợp rồi, tâm và Phật đều quên, là có đủ niềm tin rồi vậy. Chỉ cần mặc niệm làm suôi tâm tự trong, tam muội tự đến, hà tất niệm tiếng vang lảng xóm, rền khắp núi rừng, như vậy cho là đạo sao ?

Đáp : Âm thanh là việc tốt để tu hành, phạm chỗ cốt yếu để trị bịnh hôn trầm hay tán loạn, cần phải dùng tiếng, nếu tiếng không rõ, thì tâm bỗng bèn không định. Có 5 nghĩa :

1. Nhỏ cỏ phải nhỏ tận gốc, tiếng niệm Phật cũng vậy, dùng một tiếng tận lực, tất cả phiên niệm như mây tan biến.
2. Tiếng niệm Phật vang đến đâu, tất cả ác quỷ đều xa lìa, nên làm cho Công Đức Tòng lâm ngàn năm hưng thịnh.
3. Người xưa cao tiếng niệm Phật, liền thấy tướng tốt, Phật hiện diệu tướng, hoa tán hư không.
4. Như người kéo gỗ đá, một người xướng lớn, nhiều người hòa theo chuyên vật nặng thành nhẹ, nhờ tiếng giúp mà có sức mạnh.
5. Khi hai bên giao chiến, thắng bại chưa phân, nếu có một phía dùng tiếng để khích lòng quân có thể phá cường địch, có thể dùng trống, hoặc tiếng nói để thúc dục. Người tu tam muội trước phải cao tiếng niệm Phật là chỉ, lắng lẽ tướng bạch hào là quán, cao tiếng niệm Phật dứt được tán loạn và hôn trầm, tâm tướng bạch hào mới được yên tịnh. Dụng công như vậy Phật chắc gia hộ vì phù hợp với ý Phật. Trong lời tựa quyển Niệm Phật Tam Muội dạy : 'Công cao dễ tiến, niệm Phật là trước, lời niệm Phật vừa vang ra, trần lụy liền tiêu. Nếu tình trần đã tiêu thì huệ tâm liền sáng, chỗ chí diệu thoát khỏi trần lao, không do âm thanh niệm Phật thì không ai làm được'. Kinh Hoa Nghiêm dạy : 'Thà chịu vô lượng khổ mà nghe được âm thanh Phật, còn hơn thọ tất cả vui, mà không nghe hiệu Phật.' Vì thế, tiếng niệm Phật vừa vang, khai mở hạt giống Phật, như sấm chớp mùa xuân làm cây cỏ mọc mầm, đâu được khinh chê ư ?

Hỏi : Tịnh Độ trong 10 phương đều có Như Lai, vì sao mặt cứ hướng Tây, đâu chẳng phải là trệ chấp ư ?

Đáp : Đây là lời Phật dạy trong kinh Phương Đẳng đã nói như thế, chẳng phải là ý của các Sư. Người không thuận theo ý kinh là người chê Pháp. Người si thấy Đức Quan Âm có 11 mặt, lại vấn nạn tại sao không vẽ 12 mặt. Nếu có tượng họa 12 mặt lại vấn nạn tại sao không vẽ 11 mặt. Nếu chạy theo hý luận như thế là người si vậy. Kinh Thắng Thiên Vương dạy : ' Đức Như Lai có 80 cách đẹp, tùy theo công đức mà phát lộ hào quang gọi là hướng tới mà quay vào người khác. Nên biết Phật mặt thường hướng về tất cả chúng sinh, hành giả một hướng tất cả hướng đâu không có sự sai khác kia đây, phân biệt hướng tới quay lưng. Xưa Trí Giả Đại Sư từ thiếu niên xuất gia đến 60 tuổi, nằm thì chấp tay, ngồi mặt luôn luôn hướng về Tây, khi sắp vãng sanh, bảo tăng chúng đọc 48 đại nguyện chương cửu phẩm quán, hào quang sáng khắp núi, nhạc trời tâu vang, Ngài ngồi hướng mặt về Tây mà tịch. Vì thế, việc hướng mặt về Tây là việc lớn của người tu Tịnh Độ vậy.

Hỏi : Diệu môn của Tịnh Độ, đại nghĩa của ban chu như thế nào ? Nhưng gần đây, người được về An Dưỡng đã không báo cho nhau làm sao biết được chỗ đến ?

Đáp : Ban Chu là chữ Phạn, Tàu dịch là hiện tiền, ý nói tư duy chẳng dứt, Phật hiện ngay trong định. Hành giả lấy 90 ngày làm hạn kỳ đây chỉ là định kỳ trợ duyên chứ không phải nghĩa chính. Ngày xưa Pháp sư Huệ Viễn ở Lô Sơn theo Tam Tạng Phật Đà Bạt Đà La nhận pháp niệm Phật Tam Muội cùng em là Huệ Trí, Cao Tăng Huệ Vĩnh, các bậc triều hiền quý sĩ, các bậc ẩn dật trong sạch như Tôn Bính, Trương Giã, Lưu Di Dân,

Lôi Thứ Tôn, Châu Thục Chi, Khuyết Công Tắc gồm chung có 123 người, làm lời minh thệ ở Lô Sơn, đều được Tam Muội, đều sanh về Tịnh Độ. Trong 123 người ấy chỉ có Ông Khuyết Công Tắc nguyện được vãng sanh sẽ trở về báo tin. Sau khi Ông Tắc viên tịch, những người bạn hữu còn lại, một đêm ở Đông Kinh, chùa Bạch Mã, vì Ông Khuyết Công Tắc mà đọc kinh truy điệu. Khi ấy ở trong điện, ngoài rừng đều trở thành màu vàng. Ở trên không có tiếng nói : 'Tôi là Khuyết Công Tắc, cầu sanh về Cực Lạc nay đã kết quả nên trở về báo cho biết'. Nói rồi, không còn thấy nữa. Chi Đạo Lâm có làm bài tán : 'Lành thay Khuyết Công, thần thức hiển linh, hồn về Tây Vực, chứng nghiệm Đông Kinh, bồi hồi tưởng nhớ, lưu lại bóng hình, nay làm bài tán, chỉ rõ hành trình.' Ngu Hiếu Kính cũng có bài tán : 'Lạ thay Công Tắc, thâm nhuần pháp vị, biết ta mong cầu, hiện điều tôn quý, hào quang chiếu sáng, đáng về xưa nay, không bỏ hữu duyên, cho mọi người hay.'

12. Nhất tâm như mộng và tỉnh để làm sáng tỏ tam muội

Hỏi : Phật dạy : Tất cả pháp như mộng, chẳng biết người niệm Phật sanh về Tịnh độ cũng như mộng chẳng ? Nếu chẳng phải như mộng thì Phật ở ngoài tâm, nếu là như mộng thì khi mộng thấy được vàng, thức rồi không có, thật hoàn toàn là giả dối, chẳng được vật gì ?

Đáp : Ý kệ là chỉ pháp của chúng sanh trong cửu giới, đó là pháp hữu vi, nên nói như mộng, còn niệm Phật là pháp xuất thế của chư Phật, nên phải nói như tỉnh (giác). Cổ nhân nói : 'Tâm mê như mộng là chúng sanh trong chín cõi (cửu giới), Tâm ngộ như tỉnh (giác) là Pháp giới của chư Phật'. Người nằm mộng thấy được vàng là vì họ chạy theo vọng, còn niệm Phật sanh Tịnh độ là chơn nên không phải mộng. Như người tập thiên nhãn, trước tưởng ánh sáng của hạt châu lửa, tưởng mãi chẳng thôi, liền phát thiên nhãn thật, lúc đó ai nói là thiên nhãn giả. Kinh Hoa Nghiêm nói: 'Tâm, Phật và chúng sanh, ba thứ ấy không sai khác. Tâm mê như mộng là chúng sanh trong chín cõi, tâm ngộ như tỉnh là pháp giới của chư Phật, mê ngộ đều ở trong nhất tâm, mộng và tỉnh từng không có hai vết.' Kinh nói : Rõ vọng gốc từ chơn liền thấy Đức Lô Xá Na dù mộng là vọng cũng đâu có hại gì !

13. Niệm ba thân phật phá ba thứ chướng.

Hỏi : Phật có ba thân làm sao nhớ niệm ?

Đáp : Phật tuy có ba thân, nhưng vẫn là một : Pháp thân như mặt trăng, báo thân như ánh sáng mặt trăng, hóa thân như bóng nguyệt trong nước. Không thể nói là một, vì mặt trăng trong nước mọi thứ đều khác nhau, không thể nói là nhiều vì mặt trăng là một. Như chữ y có ba điểm, như Ma Hê có ba mắt, ngang dọc đều khác, thật không thể nghĩ bàn.

Kinh dạy : Hoặc hiện đại thân đầy khắp hư không, hoặc hiện to thân cao một trượng sáu, tất cả đều là ông Phật ở trong tâm thủy của chúng sanh. Phật còn chẳng có hình làm gì có hai. Cõi tịnh cõi uế cũng đều từ trong tâm chúng sanh mà có. Nếu muốn đem niệm ba thân Phật để phá ba chướng, xin giải rõ. Sở dĩ điều sinh ra thân Phật là từ chỉ và quán, vì chỉ quán không quân bình nên các chướng khởi ra. Người niệm Phật tu chỉ bị trầm (chìm) thì chướng hôn ám khởi lên làm chướng Hóa thân Phật, lúc ấy cần phải dùng tâm quán để sách tấn, niệm bạch hào tướng phá tướng hôn ám. Tu quán bị tâm phù, không ác nào chẳng tạo (vọng niệm phân vân) thuộc về chướng ác nghiệp, làm chướng ngại báo thân Phật, lại phải tu chỉ, ngăn tất cả ác niệm. Chư Phật có hằng hà sa công đức, trí huệ

viên mãn, đối với nhân gọi là báo, phá được chướng ác nghiệp. Nếu chướng phiền não và sở tri hai bên cùng khởi, đối dạng khác hình, muôn tướng phân vân, hai giặc lôi kéo làm chướng Pháp thân Phật, phải dùng Trung Đạo đệ nhất nghĩa không phá đó. Có kệ rằng : “Không sắc không hình tướng, không góc không chỗ trụ, không sanh cũng không diệt, kính lễ không sờ quán”. Lý của sở quán như bị gió mạnh thổi tan khói lam làm sáng tỏ pháp thân mặt nguyệt trong sạch phá bức não chướng. Tùy bệnh cho thuốc, người phải cần hiểu rõ. Ta đã hóa người, người cũng hóa vật, vật và ta đều thành sự sự vô ngại, Tam muội càng thanh, chúng sanh vô tận, tam muội bất tuyệt.

Sáu môn ở trên là niệm hiện tại A Di Đà Phật, ý thông cả chư Phật ba đời. Rộng như trong An Lạc Tập, Thập Nghi Luận, Thích Quán Nghi Luận, Vãng sanh truyện, Pháp Bửu nghĩa luận, và Vô Thượng Tâm Diệu Thiên môn truyện có nói rõ.

III Quyển Hạ: Quyển hạ gồm có bảy môn nói về niệm thi giác là niệm ông Phật quá khứ, nhơn và quả đồng nhau.

14. Niệm quá khứ Phật nhân và quả đồng nhau.

Hỏi : Ông Phật sở niệm là bậc cùng huyền cực thánh, tôn hiệu là bậc Như Lai mà người năng niệm còn ở địa vị phàm phu đâu được sánh đồng với bậc chánh giác ?

Đáp : Kinh Tam Muội Hải nói : ' Ông Phật sở niệm như vua sư tử đã ra khỏi thai dụ cho Phật quả. Người năng niệm Phật như vua sư tử ở trong thai, dụ cho Phật tử. Nhân quả tuy khác nhưng oai thần kế tiếp Phật đâu có khác gì!' Kinh Pháp cổ nói : Ngài Tiêu Độc Dược Vương có làm cái trống thuốc, chỉ cần đánh lên là làm cho tên độc tự nhỏ ra, bình phục như cũ. Nếu nghe tên Thích Ca Mâu Ni hoặc nghe tên Phương Quảng Tỳ Kheo khởi lòng tin, có thể làm cho tên Ba độc trong thân tức khắc được nhỏ ra. Phật Thích Ca là Phật quá khứ thuộc về quả. Tỳ Kheo Phương Quảng là nhân. Diệt tội đồng nhau nghĩa đó chỉ là một.

Trong Pháp Hoa Tam Muội, quyển năm có nói : ' Thời nhà Tùy ở núi Nam Nhạc, Hành Tư Đại Thiên Sư có người đệ tử làm huyện lệnh pháp danh Đại Thiện. Khi ấy Hoàn Dương có nội xứ tên Trịnh Tăng Kiêu, không tin Phật ăn chay. Ông ta thường tập hợp săn thú. Một hôm ông vây được mười con nai mới gọi huyện lệnh lại bảo : 'Ông thường xưng là Đại Thiện Thiên Sư, có sức Đại Từ Bi nhưng làm sao cứu được bầy nai này ?' Lúc ấy Huyện lệnh và một số người bên cạnh đồng thỉnh niệm một câu : Nam mô Đại Thiện Thiên Sư. Bất thần, bầy nai từ trong lưới, bay lên hư không mà ra khỏi. Cùng với thần lực của Đức Quán Thế Âm nào có khác gì ? Nếu không tin lời nói của thánh nhân, niệm Phật muốn tiêu ma, dứt tai họa, cũng như vàng còn ở trong khoáng không khác.

15. Vô tâm niệm Phật sự và lý đồng tu

Hỏi : Chuyên niệm một phương là niệm đủ chư Phật ba đời, đã nghe nghĩa niệm màu ấy rồi. Nhưng có niệm là có sanh diệt, đâu bằng trong kinh Thắng Thiên Vương nói : Người niệm Phật cần dùng tâm vô niệm mới có kết quả tốt. Ý chỉ tu niệm Phật tam muội này có đồng với tâm vô niệm trên chăng?

Đáp : Lý của vô niệm sâu xa màu nhiệm, nhiều người bị lạc đường, nếu không nghiên cứu tinh tường, e khó khỏi lầm lạc. Ở đây lấy lý và sự để giải thích rõ. Nói về lý là nói đến chỗ chân thật của không niệm. Nói đến có và không tức niệm này gốc là vô niệm. Vì sao ? Vì Phật từ niệm sanh mà tâm tức là Phật, như dao không thể cắt tự nó, ngón tay không thể sờ lấy nó. Phật không tự Phật, tâm chẳng tự tâm, thì đâu có thể ngoài Phật lập tâm, ngoài tâm lập Phật. Phật đã không thì tâm cũng không. Việc vô tâm niệm Phật nghĩa ấy đã rõ ràng. Ở đời người ta thường nói niệm Phật là có niệm, theo tôi thì niệm Phật là vô niệm không thể nào làm được. Lại nữa niệm chính là không đâu được gọi là có niệm; chẳng phải niệm diệt cái không đâu được gọi là vô niệm; vì tánh niệm tự nó là không đâu có được sinh diệt. Lại tâm không có sở niệm được gọi là không có chỗ trụ. Người tu niệm Phật minh được tâm vô sở trụ. Tâm không chỗ niệm là từ gốc vô trụ mà ra. Người tu niệm Phật lập tất cả pháp mà tâm không có sở niệm thì niệm tức là không. Như vậy người tu niệm Phật không chính là Niệm, không trái với ý chỉ Tam muội này vì hiển minh lý Trung Đạo. Song tịch gọi là chỉ, song chiếu gọi là quán. Định Huệ, nếu không quân bình thì chẳng phải là chánh thọ, làm sao gọi là Tam Muội cho được. Ở đây nói chiếu mà thường tịch chính là tâm vô niệm, tịch mà thường chiếu là địa vị cấu kết của Tam Muội niệm Phật này. Nên Tam Muội này có thể sinh Định Thủ Lăng Nghiêm Sư Tử Hống vậy. Kinh Bồ Tát niệm Phật Tam Muội có bài kệ phá tướng :

Chon kim sắc niệm Phật

An trụ tâm không chấp

Quán tên Phật là gì ?

Nhiếp tâm hằng tiếp nối,

Sắc vàng không Như Lai

Bốn âm cũng như vậy

Lìa sắc không Như Lai

Tướng sắc nên phải biết,

Đây là Phật Thế Tôn,

Chỗ tối sáng tịch tịnh.

Khéo diệt hết tất cả

Ngoại đạo, các tà kiến

Như vua rồng làm mưa,

Thấm ướt hết tất cả.

Bài kệ trên nói rõ Lục độ vạn hạnh chưa có một pháp nào không phải là niệm Phật Tam Muội.

Hỏi : Lý môn đã giải thích, nguyện chỉ bày sự môn, làm cho người học đời sau được chân thật vô niệm, thực hành bát nhã ba la mật, mở cửa thiền định thậm thâm của vô tướng Đại thừa, đâu chẳng lợi ích ư ?

Đáp : Lý và sự lợi ích như nhau. Trước đã nói lý của sự rồi giờ đây nói sự của lý. Kinh Đại Phẩm nói : 'Phật vì những người căn độn nên nói các pháp vốn không tịch, do đó họ sinh ra kiến chấp. Vì người căn lợi nói chư Phật tướng hảo như sen không dính bùn. Ông Tu Bồ Đề là hàng Tiểu Thừa hiểu Không thứ nhất ở Hội Pháp Hoa được thọ ký hiệu Danh Tướng Như Lai; vì Ngài Tu Bồ Đề hiểu không mà còn hiểu bất không. Nếu ngũ trần là không thì đâu có hiệu là Danh Tướng và được Phật thọ ký. Phạm Phật sinh từ tâm nên Pháp Ban Chu từ vô niệm mà đến, cảnh Phật hiện tiền, Hạnh Bất Khinh trong Pháp Hoa do thấy tứ chúng mà khởi tướng là Phật nên mau thành tựu Pháp thân. Tâm vô niệm là dứt các loạn tướng, nếu người niệm Phật chỉ khéo tướng một vị Phật cũng được gọi là vô niệm vì dứt các loạn tướng. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói : 'Như người học bắn, tập lâu thì giỏi, sau đó dù vô tâm tên bắn ra đều trúng mục tiêu. Nếu người tu Nhất Hạnh Tam Muội, tùy theo phương nào Phật ở, nhất tâm hướng về, chuyên xưng danh hiệu, mỗi niệm tương tục, liền ở trong lúc niệm thấy chư Phật trong ba đời. Vì thế, Kinh Phương Đẳng nói : 'Cố gắng niệm Phật, đừng cho thôi dứt, Phật sẽ hiện ra.' Kinh Tọa Thiền Tam Muội nói : 'Bỏ tất tọa thiền không niệm tất cả, chỉ niệm một Phật, trước niệm sắc thân vàng ánh, kế niệm Phật thân cao lớn, cho đến các công đức pháp thân đều cũng niệm như vậy'. Nên biết không dùng chẳng niệm làm vô niệm, vì niệm tức là vô niệm. Kinh Lăng Già nói : 'Dùng đọc công đọc, nay thời dùng niệm để dứt hết các niệm, khi niệm đã thuần thực, không cần toan tính mà vẫn thành tựu, không cần dùng sức. Như kiếm khách, khéo dùng kiếm, quăng cao trên không rồi dùng bao đeo ở sau lưng hứng lấy chính xác không hề sai sót. Đầu bếp thiện nghệ cắt thịt trên thớt có lót vải mỏng, không bao giờ đứt vải, người giỏi múa có thể gót chân trở thành âm nhạc. Tất cả đều nhờ thuần thực mà nên. Khởi Tín Luận nói : Nên biết rằng tuy có nói mà không có năng nói có thể đặng, tuy niệm cũng không có năng niệm có thể đặng, gọi là tùy thuận chơn như. Nếu lìa được niệm thì gọi là được vào chơn như. Người muốn vào được vị vô niệm chỉ có Phật, vì đây là địa vị cứu kính của Diệu Giác, vì rõ được cái tính của Tâm sơ sanh. Sơ tướng này hiệu là vô niệm., chẳng phải Bồ Tát Thập địa có thể biết được. Hiện tại, mọi người đều ở địa vị thập tín, nếu không y theo Bồ tát Mã Minh từ chỗ năng thuyết mà vào vô thuyết, từ niệm mà vào vô niệm. Như người muốn xây lâu trăm tầng mà không xây móng cho chắc, thì việc đổ ngã là việc dĩ nhiên ! Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rõ niệm Phật Tam Muội : 'Nếu tâm chúng sanh thường nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền hay tương lai chắc được thấy Phật, cách Phật chẳng xa, không mượn phương tiện mà tự mình được tâm mở tỏ.' Giả sử chúng sanh tâm có niệm thì cách Phật rất xa vì sao kinh nói chẳng xa, vì sao lại nói không cần mượn phương tiện mà tâm được mở tỏ. Cần phải suy nghĩ kỹ đó !

16. Liều được cảnh giới của tâm thì vọng tưởng không sanh

Hỏi : Không liễu (hiểu rõ) tâm và duyên liền có hai thứ vọng tưởng, nay còn có ông Phật sở (bị) niệm và tâm năng niệm đâu chẳng phải là hai vọng tưởng ư ?

Đáp : Kinh Lăng Già nói : 'Liều tâm và cảnh giới, vọng tưởng liền chẳng sanh.' Tâm chẳng sanh này là tâm xa lìa các thứ năng tướng và sở tướng. Nay người niệm Phật niệm

ngàn vòng chữ vạn ở ngực Phật, và quán mắt xanh và bạch hào của Phật đều từ trong tự tâm của ta, không có Phật có thể được, duyên đã không có, tâm làm sao có được. Cái năng tướng của niệm và cái sở tướng của Phật vốn tự nó đã xa lìa, thì hai vọng tưởng trụ ở chỗ nào ? Các bậc tiên thánh trao thọ cho nhau vì biết vọng tưởng không có tánh (thực thể). Quán thật tướng Phật, quán thân Phật cũng vậy, gặp cảnh đều chơn, không tâm không Phật, lý Trung đạo bao trùm tất cả, đâu còn có ông Phật sở duyên ư? Như trên mặt có chấm mực, người xem gương ghét chấm mực, cố chùi chấm mực trên gương làm sao chùi được. Chuyện tốt xấu phải quấy ở trong tâm như vết mực soi gương, không liễu tự tâm cứ cố chùi trên gương làm sao chùi được. Phải rửa vết mực trên mặt, thì mặt gương không còn chấm mực. Như vậy hiểu được từ tâm thì muôn cảnh đều chơn. Người không biết chấp đá cho là châu báu, hiểu được tự tâm chúng sanh tức là Phật.

Tề Hương cư sĩ viết thư đến Huệ Khả Thiền sư nói : Bóng là do hình khởi, vang theo tiếng đến, giỡn bóng nhọc hình chẳng biết hình là gốc của bóng; to tiếng mà ngãn vang không biết tiếng là nguồn cội của vang. Người bỏ phiền não mà tìm Niết bàn là người lánh hình mà tìm bóng. Người lìa chúng sanh mà cầu quả Phật là người cố im tiếng mà tìm vang. Nên biết rằng mê và ngộ một đường, ngu và trí không khác. Không có danh mà làm ra cho có danh, do cái danh đó mà phải quấy sinh ra. Không có lý mà làm ra lý, do lý ấy mà có tranh luận. Nên biết huyền hóa chẳng phải chơn thì ai phải ai quấy, hư dối không thật thì cái nào có cái nào không. Nên biết được không chỗ được, mất không chỗ mất, ý ấy có đúng không ?

Huệ Khả Thiền sư dùng kệ đáp :

Nói chơn pháp này đúng sự thật,

Hợp lý mâu nhiệm có khác chi,

Người mê xem Ma ni là ngôi gạch,

Giác rồi thấy nó chính chân châu,

Vô minh trí tuệ đều không khác,

Biết rằng muôn pháp thay đều như,

Ông đã phá rồi hai kiến chấp,

Viết ra ý chỉ ở thư này,

Quán mình và Phật không sai khác,

Cần gì tìm kiếm nó làm chi.

Hai Thượng sĩ này, y theo Đại sư Đạt Ma đúng pháp mà dụng tâm đều là niệm Pháp thân Phật trung đạo đệ nhất nghĩa, chắc chắn không thể lìa niệm mà có vô niệm, lìa sanh mà có vô sanh, nếu lìa mà biệt lập thì rõ ràng không hiểu phiền não tức Niết Bàn, chúng

sanh tức chư Phật. Đâu thể gặp ngôi gạch mà coi như chân châu. Nếu lia một không thể được thì niệm Phật là thật vô niệm, vắng sanh mà thật vô sanh nghĩa ấy rõ ràng. Nếu trời thu trong vắt, mặt nguyệt ra khỏi mây, đâu thể đồng với người ngu cố xem đầu ngón tay mà không nhìn mặt nguyệt. Thật đáng tiếc !

17. Muốn cầu Phật đạo nên cầu tâm mình

Hỏi : Kinh Duy Ma nói : 'Chúng sanh muốn cầu Phật đạo nên cầu tự tâm mình'. Vì sao không cầu tự tâm lại đi cầu ông Phật ở ngoài, như thế không phải trái với ý chỉ của kinh sao ?

Đáp : Tôi thường bảo : Chẳng phải ngoài tâm có pháp, chẳng phải ngoài pháp có tâm. Thế giới Cực Lạc và Thế Tôn A Di Đà chính tự tâm ông; chẳng lia tất cả tâm tưởng của chúng sinh, chính là ý chỉ của kinh Duy Ma vậy. Lại Tâm chúng sanh thường ở ba cảnh :

1. Ở cảnh thiện tu niệm Phật Tam Muội là điều chí thiện trong các điều thiện.
2. Ở cảnh bất thiện gọi là ba độc và các điều ác.
3. Ở cảnh vô ký thì tâm chẳng an trụ, không duyên thiện ác.

Lý tuy có ba nhưng nói cho thuận lý chỉ ở chỗ chí thiện.

Kinh nói : 'Chấp ta là nhơ, không chấp ta là sạch', vì không hiểu thể của Pháp tánh vốn không có xan tham, nếu ngược với Pháp tánh mà không làm việc bố thí, dù có làm việc bố thí đương nhiên chấp trụ ở chỗ thí, không thể bố thí đâu chẳng phải là nhơ sao ? Nếu người có thể hiểu rõ tùy thuận theo pháp tánh, làm việc bố thí mà không có tướng bố thí, khéo thuận ở nơi lý chẳng phải tịnh sao? Bất thiện và vô ký trái với pháp tánh không thể so sánh với việc chí thiện được. Phật bảo Thắng Thiên Vương: 'Các bậc Đại Bồ tát học pháp Bát nhã Ba La Mật, tu thiền Ba La mật, nên quán tâm mình, làm ở cảnh nào? Nếu là cảnh thiện thời khuyên gắng tu tập, thí như hoa sen không chút bụi nhơ, nếu là pháp bất thiện thì không được tạm trụ. Như thế, lý thuận là phải hành thiện tâm, ở với cảnh thiện, rõ ràng niệm Phật là giải thoát ở trong tâm. Nếu không tu theo pháp giải thoát này thì gọi là mê, phải trầm luân vô số kiếp. Người ngộ thì chúng đạo dễ như trở bàn tay, phương pháp tập thiền cũng như gương sáng, người thực hành hợp lý sẽ được viên mãn. Vì thế, Như Lai xét các Tam Muội chỉ có niệm Phật Tam Muội là vua trong các pháp Thiền. Ngoài ra thiền có đối đãi đều thuộc về phạm phu định. Nhưng Tam Muội Bảo Vương không trụ ở tướng tôn ti, tà chánh, sinh tử Niết bàn, phiền não bồ đề, tịnh loạn, cho đến việc thành chánh giác, độ chúng sanh, tọa đạo tràng đều không chỗ được. Các tướng như thế đều không thể trụ. Trung đạo còn bỏ hướng hô ở hai bên. Kinh Chư Pháp Vô Hành kệ nói :

Ví như người, ở trong mộng

Được Đạo Phật, độ chúng sanh

Đây không Đạo, không chúng sanh

Tánh Phật Pháp, cũng như vậy

Tọa đạo tràng, không chỗ được

Nếu không được, thì không có
Minh vô minh, đồng một tướng.
Biết như vậy , là Thế Tôn
Tánh chúng sanh, là Bồ Đề.
Tánh Bồ đề, là chúng sanh.
Chúng Bồ Tát, cũng không hai
Biết như thế, là Thế Tôn.

18. Dùng ba nghiệp cúng dường là tiêu biểu kính trọng.

Hỏi : Quán môn Tam Muội đã nghe được chỗ thâm diệu, còn dùng ba nghiệp cúng dường, khi Phật đã viên tịch có nhiều phước bằng lúc Phật còn tại thế không ?

Đáp : Cúng dường bề pháp giới là trong muôn hạnh, người tịnh ba nghiệp đều gọi là cúng dường, nếu đứng về sự mà luận phước cũng rất nhiều, huống là dùng lý cúng dường thì phước nhiều vô lượng. Nói về lý, hành giả quán tất cả pháp hoặc thường, hoặc vô thường đều không chỗ được. Đối trước Phật tượng rộng trang nghiêm cúng dường, phước đức cũng đồng như lúc Phật còn tại thế, dùng hoa hương đầy khắp các cõi cúng dường phước nhiều vô lượng. Nên trong hội Pháp Hoa, Đức Dược Vương đốt tay cúng dường, hiến Bảo Tháp của Đức Phật Tịnh Minh, thân vàng tỏa sáng chiếu khắp 10 phương đó chính là Bồ Tát Hi Kiến. Người đời nay chỉ suy theo tự tâm là do tập khí xan tham, giải đãi, hoặc ở xa chỗ hoa, cây chẳng kính, trái với các nghi lễ phụng hiến là do lòng ngã mạn sâu dày mà ra. Đức Phật tuy hiện bày tướng diệt nhưng thật chẳng diệt. Như ông Đinh Lan ngày xưa, khi mẹ mất, ông lấy gỗ khắc tượng mẹ, quạt nồng ấp lạnh coi như còn sống, hiện còn ghi trong sử xanh, cho đến bây giờ người đời vẫn còn khen ngợi không dứt.

Ngày Đức Như Lai còn tại thế, thân tượng trang nghiêm vi diệu, bất cứ ai khi gặp Ngài đều phát khởi ý đạo. Đức Như Lai ản dấp như mặt nguyệt sau lớp mây mờ, người đời không còn thấy chơn dung, chỉ còn kính điển để lại. Vì vậy, người đối trước hình tượng, phát khởi ý vô thượng chí thành dâng lên một cành hoa cũng là ít người, nhớ Phật vẫn thường trụ trong đời, thường phát khởi tâm thường cúng dường cũng rất khó có.

Kinh Niết Bàn nói : 'Cho đến người chí thành dâng cúng Phật một cành hoa, chắc được sanh về Tịnh Độ Bất Động'. Như thế, cúng một nén hương, một cành hoa, một ngọn đèn, một khúc nhạc, cho đến những vật ăn uống, hết lòng dâng cúng chư Phật trong ba đời là diệu nhân sanh về Tịnh độ, là các bậc Thánh nguyên thủ, đâu được khinh thường việc ấy. Có người cuồng ngu chấp tâm không cho rằng : hiến hoa ở trong tâm, hiến cúng đèn ở trong tâm, đốt hương ở trong tâm, lễ Phật ở trong tâm nào khác các con vượn múa mai gặt người, nói dối có cây me có nhiều trái ở đằng kia để người đi nắng đỡ khát. Có người còn cho rằng cứ mặc y trong tâm, ăn cơm trong tâm, làm sao no lòng ấm thân, chắc chắn sẽ bị khốn khổ triền miên. Vì vậy, cần phải dùng lục độ muôn hạnh đập tan cái tâm chấp không đó. Lời nói chỉ tâm chấp không nhiều lỗi làm như thế, không thể không cần

thận. Du già quán Hạnh chuyên quán cũng thường dùng sự, lấy tướng làm tiêu biểu, không chấp chỉ có tâm, thường dâng hoa hương cúng dường sáu thời không thiếu.

19. Giao báo của sự tin và bỏ của dâng hoa không tướng

Hỏi : Hoa là sự, lý ở chỗ nào ? Người tin và không tin bị quả báo thế nào ?

Đáp : Hoa là lý. Thuở xưa có vị Vương tử tên là Vô Sở Úy đem một cành hoa sen cúng dường Phật Bảo Tạng. Phật bảo : 'Ông lấy hoa sen ấn vào hư không, nay ta tặng cho ông tên là Hư Không Ấn, tương lai sẽ thành Phật, thế giới tên Hoa, Phật hiệu là Liên Hoa Tôn. Hoa có thể ấn vào hư không thì Hoa chẳng phải là Hoa. Hoa chẳng phải là Hoa nên Hoa là Thế giới, hoa là Phật. Trong kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì nói : ' Có vị Tỳ Kheo tên Tịnh Mạng, trụ trong chánh kiến đem cành hoa cúng dường Phật. Tỳ kheo Pháp Hạnh trụ trong tà kiến, đã được tứ thiên, thường cho Bát Nhã Không Tôn là thù thắng, chê Pháp sư Tịnh Mạng đem hoa cúng dường Phật. Chỉ một lời chê ấy, bị quả báo sáu muôn đời không lưỡi. Đến khi thành Phật vẫn còn bị quả báo ở trong cõi đời ngũ trược. Tỳ Kheo Pháp Hạnh kia đâu phải người nào lạ, đó chính là Đức Thích Ca mâu Ni. Phật dạy : Người ít hiểu biết ở trong pháp ta chấp vào hai kiến chấp, trọng lý không, khinh sự thật, khi mạng chung bị đọa vào địa ngục, trải qua trăm nghìn kiếp. Người muốn tu Bát Nhã Ba La Mật được Đại Bồ Đề, cần học Vua Ca Thi Ca, thực hành hạnh Bồ Tát đã bỏ thân yêu quý, bố thí đầu, mắt, tủy, não. Ngài đâu có phải là ngu si không có trí huệ mà muốn tu đầy đủ sáu pháp Ba La Mật vậy. Nếu chấp lý Không cho là phải, các việc khác cho là sai, đó là nghiệp ma. Đâu thể vọng dùng ngoan không cho là chơn không. Quả báo không lưỡi tự mình chuốc lấy. Đức Như Lai tự dẫn cái sai lầm ở tiền kiếp là muốn chúng sanh thấy xe trước ngã, xe sau phải tránh đi.

Một cành hoa như thế, tất cả hình tượng, gỗ đất, lụa tre các kinh, cạo tóc Tăng Ni, trụ trì Tam Bảo, học Giới Định Huệ, chẳng luận phước điền hay không phước điền, tất cả đều phải kính trọng, đều vào trong bể pháp giới dùng ba nghiệp để cúng dường. Kinh Pháp Hoa có bài kệ :

Hoặc người trong tháp miếu,

Tượng cốt và tượng vẽ,

Dùng hoa hương màn lọng,

Kính trọng mà cúng dường,

Cho đến một tiếng nhỏ

Đều đã thành Phật Đạo.

20. Muôn thiện đồng về đều thành Tam muội

Hỏi : Người cúng dường đèn trường minh được sanh về cung trời Nhật Nguyệt, người cúng hoa, hương, màn, lọng cùng đèn không khác, quả thật được phước sanh về cõi trời, vì sao lại nói tất cả đều thành Phật ?

Đáp : Đế vương đi tuần đem theo ngàn quan, muôn xe, kẻ hạ người hầu đều mang chữ Ngự và mang Thiên Trượng. Nếu người phạm đến thiên trượng, đều có thể bị giết. Khi xe giá trở về cung, mỗi người về vị trí của mình, nếu xung chữ Ngự cũng bị hành hình. Các quan và kẻ hầu hạ thì đồng mà mỗi thời gian trách nhiệm và tư cách khác nhau. Hoa lọng hương đèn không theo ý chỉ của Kinh Pháp Hoa thì đó là phước báu ở cung trời. Nay gặp Tam Muội Bảo Vương như người có Thiên Trượng của Vua, dù hiển một hoa đều đã thành Phật Đạo. Đây là duyên khởi từ hạt giống Phật, dĩ nhiên kết quả Phật đều đâu đó rõ ràng, như chim về núi Tu Di đều đồng một sắc, muôn sông chảy về biển cả, không kể chung các tên. Nên Kinh Đại Bảo Tích nói : 'Ngài Văn Thù ở hội Phổ Môn, hạp hết Trời rồng, tám bộ, địa ngục, súc sanh, sắc thanh hương v.v.. Tất cả pháp đều thành Tam Muội, cũng như sợi lông chứa bể cả, hạt cải chứa hết núi Tu Di. Đâu phải do thần lực của lông và hạt cải mà do tánh lực của chánh nhân. Nên biết, thấy bằng mắt, đi bằng chân, thấy ngay thì đi ngay, thấy vậy thì đi vậy, chỗ sâu cạn của ma và Phật đều căn cứ vào chỗ thấy biết. Một hạnh đã như vậy, muôn hạnh cũng thế.

Pháp Hoa Tam Muội tức Niệm Phật Tam Muội, Đức Như Lai gọi là Thắng Định, vì Tam muội Bảo Vương là quang minh tạng, là châu trừ tội, là đèn soi tà kiến, là người dẫn đường cho kẻ mê, là ấn vàng của Vương Tử, là kho báu của người nghèo, là Không Tam Muội, là Thánh Tam Muội, là Đà La Ni, là chân tư duy, là quán tối thắng, là quán pháp Tam Muội tiêu ác nghiệp Nên biết giáo, lý, hành, quả và tám muôn bốn ngàn Pháp Ba La Mật, đều là tên khác của Niệm Phật Tam Muội này.

Nếu người hiểu được Tam Muội này thì hiển cúng một cành hoa là hiển cúng khắp cõi nước của Ba đời chư Phật. Niệm một vị Phật là thể thông suốt đến Phật ở vị lai, như lấy đại địa làm mục tiêu, đâu có mũi tên nào không trúng. Không được như vậy thì trái với ý chỉ của kinh Tư Ích chê trách sợ không, bỏ không, làm không, lấy không sao !

Phản lưu thông

Khách thưa : Bậc lương y đi rồi còn lưu sách quý, nhà buôn đi xa nhưng còn gởi lại vàng ròng, chỗ mâu nhiệm của các bậc Tiên Hiền bất cứ người nào cũng có phần thừa hưởng. Đệ tử dờ đạo dốt học, nhưng muốn biết Tam Muội, hy vọng được nghe chỗ cao siêu thật tế. Những áo chỉ đã trình bày qua là bảo ấn của chánh pháp, động và tịch cùng chiếu, lý và sự viên dung, mỗi tâm đều chơn, chạm vật đều tăng trưởng. Một lần xung Nam Mô, đều thành Phật Đạo, móng tay vừa khảy tóc chúng Bồ Đề, chẳng cần nhọc sức mà đạt ý chỉ Pháp Hoa, mắt lòn bị kim vàng gỡ sạch, ý nghĩa của 20 chương đệ tử chưa từng được nghe, rất vui mừng thấy chúng sanh nhờ đây mà rửa sạch tội cấu, được dạo chơi trên cõi bửu trang nghiêm, đâu có gì may mắn bằng. Đệ tử nguyện trong đời này, được thọ ký quả vị đề hồ, biết chư Phật trong tương lai là chúng sanh hiện tại. Đệ tử cúi đầu đánh lễ Thập Đa Bảo, đối với Tăng Liên Hoa, con cũng khắp quán 10 phương, niệm đủ 3 đời, hồ quỳ chấp tay nói kệ rằng :

Một lòng nhớ niệm Phật quá khứ

Cùng nhớ Thế Tôn đời vị lai

Hiện tại tất cả Điều Ngự Sư

Học hết quý Ngài lời thuyết pháp

Không có một Phật ở quá khứ

Cũng không đời này và đời sau

Chỉ có Thiền lớn thanh tịnh này

Phật không nói chứng hoặc hay nói.

Lời Cuối Sách

Cổ Đức thường nói : 'Thân người khó được, thành thị khó sanh, Phật Pháp khó nghe, Tịnh Độ khó tin, sanh tử khó thoát'. Chúng ta hôm nay đã được thân người, ở nơi nước văn minh thành thị là một điều may mắn rất to lớn. Nếu chúng ta không cầu nghe Phật, không tin pháp môn Tịnh độ thì việc muốn thoát sinh tử là một việc rất khó, vì sanh tử là một việc lớn, con vô thường mau chóng, một khi để mất thân người thì muôn đời khó gặp lại. Phật pháp thì rộng sâu như bể cả, hạng bạt địa phàm phu không ai có thể hiểu cùng tận, huống chi chúng sinh thời mạt pháp, nghiệp nặng chướng dày, phước mỏng huệ ít, thiện tri thức thì khó gặp mà tà ma ngoại đạo thì ra sức tung hoành. Vì thế, người muốn nghe Phật pháp, tự lực tu trì, tự mình đoạn hoặc nghiệp, chơn thường, để thoát khỏi sinh tử thực vô cùng khó khăn, ít người có thể làm nổi. May thay, Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn rộng khai tám muôn bốn ngàn pháp môn tự lực đã đặc biệt khai pháp môn Tịnh độ chuyên y cứ vào sức Phật nguyện. Hành giả không luận là đoạn bao nhiêu

hoặc nghiệp, chúng bao nhiêu chơn thường, chỉ cần tin sâu, nguyện thiết dù những người tạo ác nghiệp sắp đọa địa ngục nếu đủ lòng tin nguyện chỉ cần mười niệm, nhờ nguyện lực của Phật mà thoát khỏi sinh tử xa hẳn luân hồi.

Pháp môn niệm Phật chỉ cần 10 niệm khi lâm chung là có thể vãng sanh, nhưng khi người sắp lâm chung, thân tứ đại tan rã, đau nhức như lột da xé thịt, trong lúc đau nhức cùng cực như thế muốn được 10 niệm nhất tâm thực vô cùng khó. Lại nữa, khi mạng chung có 10 chương nạn làm hành giả không niệm Phật được:

1. Không gặp thiện tri thức, không ai khuyên niệm Phật.
2. Nghiệp khổ trói thân, không rảnh niệm Phật.
3. Trúng phong á khẩu, không thể xưng hiệu Phật.
4. Cuồng loạn mất tâm, chú tướng khó thành.
5. Hoặc gặp nước lửa, không kịp chí thành.
6. Gặp cọp beo chụp, không kịp nhớ Phật.
7. Gặp kẻ ác niệm, phá hoại lòng tin.
8. Ăn no quá độ, hôn mê đến chết.
9. Chiến đấu quân trận, hoảng hốt mà qua đời.
10. Té xuống vực sâu, chẳng toàn tánh mạng

Vì vậy, người muốn chắc được vãng sanh, bình thường cần phải niệm Phật cho được nhất tâm hoặc chúng Tam Muội thì khỏi 10 nạn. Dù hoàn cảnh thế nào lâm chung Phật và Thánh chúng cũng đến rước vãng sanh. Niệm Phật nhất tâm chúng tôi đã nói rõ trong Luận Tri Danh Tư Tưởng. Còn Niệm Phật Tam Muội thì chỉ có Luận Bảo Vương Tam Muội là dạy bảo rõ ràng hơn cả. Chúng tôi chân thành gửi đến quý liên hữu quyền luận vô giá, ít có, khó gặp này để chúng ta đồng học, đồng tu, đồng chứng Tam Muội, đồng được vãng sanh, đồng thành Phật Đạo.

Nam Mô A Di Đà Phật

PHỤ LỤC

Tiểu Sử Tác Giả

PHI - TÍCH

Phi Tích Thiên sư, khi mới xuất gia chuyên học luật nghi. Về sau, ngài cùng với Sở Kim Pháp sư nghiên cứu và tu tập giáo quán Thiên Thai.

Năm Thiên Bửu, ngài đến Kinh Sư, ngụ ở Chung Nam Sơn, soạn bộ “Niệm Phật Bửu Vương Luận” ba quyển, lưu truyền trong đời. Trong bộ đó về đoạn dạy chuyên chú niệm hiện tại Phật đại lược như thế này: Kinh Bi Hoa nói: “Mật Tô Vương từ từ lúc phát bồ đề tâm, trong khi đi, cứ mỗi bước chuyên tâm như ý niệm Phật, nhờ vậy nên Vương Tử hiện nay đã thành Phật, tại Diệu Hỷ thế giới, chính là đức A Súc Bệ Phật”.

Tôi cho rằng khi đi nơi đường rộng, lúc bước trong vườn trong rừng đều phải hành đạo như Mật Tô Vương Tử. Nhấn đến, dầu là lúc cảm hốt lên ngai, hoặc khi khua ngọc vào triều, ngựa xe rần rộ, cờ trống uy nghiêm, cũng đâu đáng chằng dộng công tu niệm nơi thời gian ấy thay!

Phàm đã là người, chưa có ai không có hơi thở ra vào. Người khác phàn đông dùng các thứ châu, ngọc, hột cây v.v.. làm chuỗi niệm, còn tôi thời dùng hơi thở làm chuỗi niệm. Niệm danh hiệu của Phật mà theo hơi thở rất có sự nương cậy vững vàng. Dầu sợ rằng một hơi thở chẳng trở vào, liền thuộc đời sau đó ư! Đi đứng nằm ngồi, tôi luôn dùng râu chuỗi ấy, dầu cho đến lúc quá mỏi mê, tôi cũng ngậm Phật mà ngủ, vừa chợt tỉnh là nói liền lại. Rồi ở trong giấc ngủ đặng thấy Phật A Di Đà, như cọng cây ra khỏi, đó là khởi điểm của lửa. Chiêm bao thấy Phật mãi không hở liền thành tựu chánh định, tận mặt gặp Phật được Phật thọ ký, nhất định vãng sanh muôn không sót một:

Hỏi: Như thế thời chỉ tưởng thầm mà không cần niệm ra tiếng ư?

Đáp: Có 5 nghĩa rất cần đến to tiếng niệm Phật. 1.-Nhổ cây cả gốc rễ phải nhờ tiếng thúc giục, trợn đời tinh tấn dứt sạch trăm mối lo sầu 2.-Tiếng Phật tới đâu thời nơi ấy muôn điều tai họa đều tan cả, công đức của tông lâm sơn môn được phồn thịnh đều nhờ nơi tiếng 3.-Thánh cảnh hiện tiền, hoa trời tuôn rưới cũng do nơi tiếng 4.-Như kéo cây đá quá nặng, rập tiếng hè nhau liền đi nhẹ phơi phơi 5.-Như dàn quân xông trận nhờ tiếng trống còi, binh sĩ tới lui do nơi phát lệnh.

Cứ theo các nghĩa trên đây, tưởng cùng niệm ra tiếng đồng dùng, chỉ quán song vận, rất hiệp ý của Phật, nào có ngại gì! Hoa Nghiêm nói: “Thà thọ vô lượng khổ mà đặng nghe tiếng Phật, chớ chẳng chịu hưởng những điều vui mà không được nghe danh hiệu Phật”. Vậy thời tiếng Phật, vang xa thêm lớn cần lạnh cho muôn loài. Dường như tiếng sấm mùa xuân làm động sanh lực của cây cỏ, đâu nên xem thường.”...

Về đoạn dạy “lý sự song tu, tức sanh vô sanh”, ngài nói: “Nhiều người nói niệm Phật là hữu niệm, còn tôi cho rằng **niệm Phật là vô niệm. Niệm chính là “không”**, đâu được cho là **“hữu”**. **Chẳng phải niệm diệt mới thành “không”**, đâu được cho là “vô”. **Thế tánh của niệm “tự không”**, đâu được cho là “sanh diệt”. Lại **“tâm vô sở niệm”** đó là “ung vô sở trụ”, mà **“tu niệm Phật”** đó là “nhi sanh kỳ tâm”. Lại “tâm vô sở niệm” đó là “tùng vô trụ bản”, mà tu niệm Phật: đó là “lập nhứt thiết pháp”. Lại **“tâm vô sở niệm”** đó là “niệm tức thị không”, **“mà tu niệm Phật”** đó là “không tức thị niệm”(I). Đây chính là nghĩa “song tịch song chiếu”. Chiếu mà thường tịch, đó là “vô sở niệm tâm”, tịch mà thường chiếu, đó là **“mà tu niệm Phật**, chánh định tịch chiếu của đức Như Lai, là vị cứu cánh của niệm Phật tam muội vậy. Cho nên niệm Phật tam muội có thể sanh Thủ Lăng Nghiêm Sư Tử Hống định.

Bài kệ phá tướng trong kinh “Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội” nói: - Niệm thân vàng ròng của Phật, an trụ tâm không tham luyến. Gẫm pháp gì gọi là Phật? Nhiếp tâm thường quan sát luôn. Sắc vàng không phải Như Lai, bốn uẩn sau cũng như vậy. Rồi sắc thời không Như Lai, người quán sắc phải nên hiểu chính đó là chỗ tịch tịnh, tối thắng nhất của Như Lai. Có thể khéo diệt tất cả những tà kiến của ngoại đạo. Như Long Vương giáng mưa lớn, tất cả loài đều được nhờ.

Trong kinh này chỉ rõ lục độ vạn hạnh, chưa có một pháp gì chẳng phải là “niệm Phật tam muội”. Trong Đạt phẩm Bát Nhã, đức Phật nói các pháp không tịch để dẫn dạy hạng

độn căn vì hạng này hay sanh chấp trước. Còn với bực lợi căn đức Phật giảng tướng hảo của chư Phật, vì biết là sen chẳng nhiễm trần. Trong kinh “Tọa Thiền Tam Muội” nói: “Bồ Tát tọa thiền chẳng niệm tướng tất cả pháp khác, chỉ niệm một đức Phật: như núi Tu Di vàng ở giữa biển rộng trong mát. Nhấn đến công đức pháp thân của Phật cũng niệm tướng như vậy.”

Do các đoạn kinh văn và những lý trên, mà biết rằng chẳng đặng cho không niệm là vô niệm, quán Phật thật tướng quán thân cũng vậy, gặp cảnh nào cũng là chơn tánh, không tâm nào chẳng phải là Phật. Quyết định không rời niệm mà gìn vô niệm, lìa sanh mà lập vô sanh. Nếu rời niệm cùng sanh mà lập vô niệm với vô sanh, chính là bởi chẳng rõ lý “phiền não tức Bồ đề, chúng sanh tức Phật” vậy. Rời lìa là chẳng được, thời chính niệm mà là vô niệm, chính vắng sanh mà thật là vô sanh. Nghĩa đó rất rõ ràng, như đêm thu trong lặng, vàng trắng tròn sáng ra khỏi lùm mây!

Năm Vĩnh Thới nhà Đường, Thiền sư từng được triều đình thỉnh giữ chức “Chứng Nghĩa Chánh Viện” trong các hội dịch kinh. Như: Nhơn Vương Hộ Quốc Bát Nhã Kinh, Mật Nghiêm Kinh v..v..

Trích ở các bộ **Tổng Cao Tăng Truyện**

Bảo Vương Tam Muội Luận

Chú thích:

(1) “Tâm vô sở niệm” thuộc lý quán, mà “tu niệm Phật” thuộc sự tu. Đem câu “tâm vô sở niệm mà tu niệm Phật” phối hiệp với câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” của kinh Kim Cang, câu “tùng vô trụ bổn lập nhưt thiết pháp của kinh Duy Ma Cật”, câu “Sắc tức thị không không tức thị sắc” của Tâm kinh